

SỐ 105 — GIÁ : 0\$20

5 AVRIL 1942

ÁI - TÌNH
TRƯỚC LUẬT
TỰ - NHIÊN

Xem bài cáo-luận
của VŨ XUÂN-TỰ

NGUYỄN ĐOÀN-VƯỢNG
CHỦ-TRƯỞNG



Thái-bình-dương đã nổi sóng từ ngót năm tháng nay. Các bên theo cuộc chiến tranh bằng cách xem báo chí, nghe vô-tuyến-diện chắc đã nhiều lần phải nghe nhên trước những sự đặc thắng lớn lao của hải quân Nhật, dưới quyền chỉ huy của Đô-đốc Isoroku Yamamoto. Tổng tư lệnh hải quân Nhật. Những kỳ công của hải quân Nhật trong những trận đánh hạm đội Hoa-kỳ ở Trân-châu cảng trong quân-dịch H wai hôm 7 Décembre 1941; những vụ đánh đắm chiếc kỳ hạm « Prince of Wales » 35 000 tấn, chiếc « Repulse » 32.000 tấn của Anh, những trận công kích Hông-kông, Tân-gia ba v.v. đã đem lại sự thắng lợi cho hải quân Nhật trong cuộc chiến tranh Đại-Á. Những kỳ công đó đã tỏ rõ lực lượng của hải quân Nhật như thế nào.

Vừa đây, trong một bài đăng báo Nichi Nichi, Đại-dục Hiraike, chánh phòng báo chí-tổng bộ Tenna-tu-lệnh New-tiên Nhật đã viết: « Hải quân Nhật sẽ tỏ rõ đầy đủ về sức chiến-dấu mãnh liệt ghê gớm của mình.

« Nếu cần, hải quân Nhật sẽ hành-dộng không những trên Thái-bình-dương và Ấn-độ dương, mà còn hành-dộng bất cứ trên mặt bể nào trên địa cầu. « Những cuộc đặc-hùng đặc biệt của hải quân Nhật từ khi khai chiến đến nay, chỉ là những cuộc đặc thắng ban đầu.

« Đà hải quân Anh Mỹ có thể dùng lối đánh du-kịch để kéo lại chút ít thanh-thế đã mất nhưng hải quân Nhật đã dự bị sẵn sàng để phá tan những chiến lược của bên địch và rồi diệt thanh-thế Anh Mỹ ở khắp mọi nơi.

« Tuy vậy chúng ta phải dự bị một cuộc chiến tranh lâu dài và không nên quá khinh thường lực-lượng chiến đấu của Mỹ.

« Mỹ là một nước giàu. Ngoài những nguyên liệu ở Nam Mỹ còn những phú-nguyên khác làm cho Mỹ thành một nước mạnh, bởi vậy dù hết thảy chiến hạm Mỹ ở Thái-bình-dương bị trừ diệt, Mỹ cũng vẫn còn đủ sức chiến đấu.

« Còn Anh: từ xưa đến nay chưa có hồi nào mà Anh lại ở vào một tình thế gay go như ngày nay.

« Ấn-độ bị bao lâu vẫn là một kho vàng, kho người, kho vật liệu của Anh, nay dưới quyền tự trị: đó là một mối nguy lớn cho đế-quốc Anh. Có thể nói rằng khi q gần cai trị của Anh bị tiêu diệt là lúc nước Anh bị mất.

« Bây giờ mới đến lúc hải-quân Nhật tỏ rõ thực lực.

« Vậy chẳng hay « thực lực » của hải quân Nhật, mạnh mẽ là chừng nào?

« Đó là một bài toán do người ta đang tìm cách giải quyết. Muốn giúp một người giải quyết dễ dàng bài toán đó, dưới đây chúng tôi xin hiển các bạn những tài liệu quý giá về lực-lượng của hải-quân Nhật, do ông François Courtin, viết trên báo « La Science et la Vie », là một tờ báo khảo cứu rất có giá trị.

T.B.C.N.

SỨC CỨU MANH

MỘT SỰ BÍ-MẬT TRÊN THÁI - BÌNH - DƯƠNG

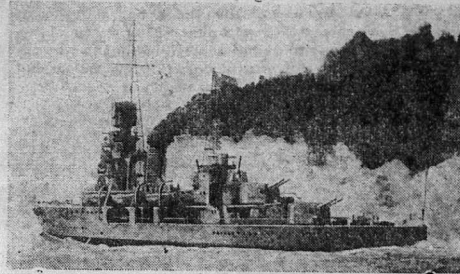
Muốn hiểu nước Nhật đã đề ý và cố tăng sức mạnh của hải-quân đến thế nào ta chỉ cần biết vài con số: số tiền dùng về hải-quân năm 1939 mất 677 triệu gens — mỗi gen vào khoảng một đồng bạc ta — và năm 1940 số tiền đó lên tới 826 triệu gens. Vậy mà ngày 1er Février 1940, nói-các Nhật lại còn bỏ phiếu ủng hộ quân bầu đạo-luật mới gọi là « luật thay đổi các tàu chiến và các xưởng đóng tàu »: Luật này trừ tính định chi phí một số tiền 5.401 triệu gens chia ra làm năm phần như sau này: 3.458 triệu để đóng các tàu chiến mới, 436 triệu để sửa chữa các tàu chiến cũ, 988 triệu để xây đắp các nơi căn-cứ hải-quân và 519 triệu dùng vào việc tăng lực-lượng của thủy-phí-quân.

Các con số đó sẽ có giá-trị hơn nếu người ta nhớ lại rằng năm 1930 trong cuộc hội-ngập về « giãm-bình-bị » của các cường-quốc họp ở Londres, các nước đều biết rằng hải-quân Nhật đã dùng mất 15 phần trăm tiền quỹ c a tất cả nước Nhật. Thế mà năm 1940 số tiền đó đã tăng lên tới 25 phần trăm rồi vậy.

Nhật-bản: một nước Anh thứ hai ở Viễn-dông

Năm 1870 nước Nhật chưa có hải-quân. Năm 1872 hải quân Nhật gồm có 14 chiếc tàu trọng tải tất cả là 12.350 tấn. Chiếc tàu to nhất là chiếc *Regio* chỉ nặng có 2.530 tấn. Từ đó giờ đi nước Nhật gắng sức — chịu chi phí cực nhiều tiền đến nỗi năm 1919 Nhật đã có một hải-quân đứng vào hàng thứ ba của thế-giới và từ đó đến nay cứ giữ mãi ngôi thứ ấy. Nước Nhật không những muốn giữ quyền bá-chủ trong khu vực Đông-hải mà lại còn muốn có một thế lực khôn bi ở trên Thái-bình-dương, nhất là ở trên các mặt bể xa cách các đảo của mình từ 9.000 cây số! Vì lẽ đó nước Nhật không khác gì một nước Anh ở Viễn-dông: và như nước Anh, Nhật sống nhờ các mặt biển, Nhật sợ chết đó nếu không có một hải-quân mạnh mẽ về mặt tàu chiến cũng như là về mặt tàu buôn.

Nhờ ở bề, Nhật có đủ lương thực và đủ dùng cho 105 triệu dân: đậu tương ở Mãn-châu-quốc, sắt ở Tàu và ở bán-đảo Mãn-lai vì năm 1915 Nhật liên thủ 500.000 tấn thép, hiện nay Nhật phải cần dùng đến sáu lần số sắt ấy nữa. (Cũng nhờ bề mà Nhật nhập cảng được dầu-hóa nhất là ở Mỹ tới, và nhập cảng của Mỹ, Ấn-độ và Tàu rất nhiều bông để dệt thành vải bán cực hạ giá cũng như các nhiều hàng hóa khác của Nhật làm bằng máy để đem bán đi phá



TUẦN DƯƠNG HẠM « PING-HAI »
Tàu chiến trước kia là của Trung-Hoa sau bị thủy quân Nhật năm 1937 — bắt được và đem về dùng vào việc thủy quân mình. Tàu trọng tải 2500 tấn

CỦA HẢI - QUÂN NHẬT

giá tất cả các hàng hóa khác của các cường-quốc xưa nay vẫn giữ độc quyền trong các việc buôn bán này! Nhờ các tàu buôn Nhật đã xuất cảng tới 70 phần trăm số tư c a thế-giới — không những thế Nhật lại còn là một xứ sản xuất rất mạnh về tư nhân tàu nữa.

Bởi những lý ấy nếu một khi các đường hàng hải của Nhật bị cắt đứt thì thái là một sự tai hại không cứu chữa được cho nên Nhật đã cam chịu chi tiêu vào hải-quân một số tiền lớn đến nỗi Nhật chỉ lo hành-trương thế-lực trên lục-địa ở Viễn - đông. Nhật hết sức muốn một ngày kia sự sinh sống của mình không còn phải nhờ cậy vào một cường quốc khác có thể tự ý hạn chế các nguyên liệu cần thiết cho nền kinh tế Nhật nữa.

Lấy Cao-ly, đánh Mãn-châu năm 1932, đánh Tàu năm 1937 và đánh Mã lai từ cuối năm 1941 Nhật không ra ngoài cái ý định lấy các thổ sản và các nguyên liệu mà Nhật rất cần và hiện có ở các xứ đó rất nhiều. Từ Nhật sang các xứ kể trên

kh ng xa bao nhiêu cho nên các cuộc hồng thương bằng tàu biển thật dễ dàng không khó khăn như những cuộc giao thông tự đại trên mặt Thái bình-Dương

Nhật-bản gắng sức

Năm 1915 ở Tsoushima, khi hải quân Nhật đánh tan hải quân Nga thì các tàu chiến Nhật giống như bệt tàu chiến Anh cũng thời ấy. Thật vậy mãi đến năm 1912 Nhật còn thuê các nước ngoại quốc đóng hộ tàu, Anh đóng cho Nhật một tuần dương hạm lớn hai diệt ngư-lôi và Pháp đóng cho hai tàu ngầm. Hiện giờ thì chỉ riêng các xưởng đóng tàu của Nhật đóng tàu cho Nhật mà thôi

ngoài ra Nhật không phải nhờ đến một nước nào nữa! Sức sản xuất của các xứ ng tàu Nhật mạnh đến nỗi Nhật còn có thể đóng tàu thuê cho các nước khác nữa: không những đóng thuê tàu buôn mà lại còn làm cả tàu chiến để bán nữa! Hầu hết các tàu chiến của Thái-lai và của chính phủ Nam Kinh là đều do c'a Nhật đóng.

Người ta lại chưa quên rằng trong c'ua Âu-chiến 1914-1918 chiến lược Pháp đã dựa vào Nhật 12 chiếc tàu chiến nhỏ trong tới 600 tấn mỗ chiếc và được dân Pháp đặt tên là « tàu Nhật ».

Sự gắng sức của Nhật thật khác thường! Năm 1905 Nhật vừa bắt được ở Port-Arthur và ở Tsoushima rất nhiều tàu chiến của Nga — sáu thiết-giap-hạm, bốn tuần-dương-hạm, hai diệt ngư-lôi, hai tàu phóng-pháo — ang nhỏ, hai t tuần-tiểu — thì ngay lúc ấy đô-đốc Anh Fisher cho ra đời kiểu tàu chiến *Dreadnought*: một kiểu tàu m làm thay đổi hẳn các lối chế tạo tàu chiến và làm cho các tàu chiến Nhật đột nhiên thành c'ua. Muốn cho mình không chậm bước và theo kịp được Anh, nước Nhật phải gắng sức để làm cho các h' đóng tàu thêm to rs, các xưởng được thêm nhiều khi cụ để cóng được nhiều tàu chiến to hơn. Ngay lúc ấy thủy quân Nhật đang bị kh'ng-hoảng về kinh-tế mà sự gắng sức của Nhật cũng thành công nên năm 1909 Nhật đã bắt đầu đóng được hai chiếc *Dreadnoughts* và 12 năm sau: trong

hợp ước Washington Mỹ đã chịu nhận là Nhật đang đứng vào hàng thứ ba về hải-quân.

Năm 1923, Nhật lại vượt qua nổi một cuộc khủng hoảng nữa. Năm này ở Nhật có cuộc động đất ghê gớm-tấn phá hầu hết các đảo của Nhật ở vùng phía đông và phía tây của Nhật. Nhưng dù đã chi phí cực nhiều tiền vào việc tái tạo nước Nhật rồi và nhiều xưởng đóng tàu bị tàn phá mà Nhật vẫn kiên gan theo đuổi đúng chương-trình tổ-chức hải-quân của mình.

Hải-quân Nhật thắng một trận oan-liệt ở Hội-ngệ Washington

Máy thay hợp-ước hải-quân các nước vừa ký ở Washington mấy tháng trước. Theo hợp-ước này thì Nhật được có một hải-quân mạnh bằng ba phần năm của hải-quân Anh và Mỹ, Nhật được

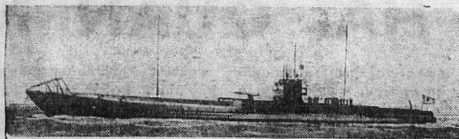
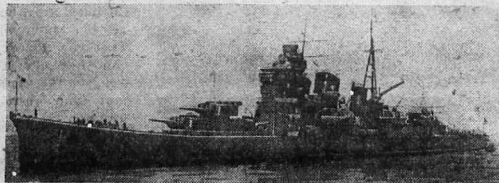
có 10 thiết-giap hạng mà ch ế c cõ nhất thì hạ thủy từ 1912, trái lại Nhật phải phá hai chiếc tàu chiến khác đang làm dở đi và chữa hai chiếc tàu chiến cũng đang làm dở n ữa thành hàng - không mẫu - hạm. Ngoài ra Nhật lại còn được quyền lợi này là điều lệ thứ 10 của hợp-ước bắt buộc các nước ký hợp ước k h ồng được tăng lực-lượng của các cơ-quan phòng-thủ trên các nơi căn-cứ hải-quân ở về phía đông kinh-tuyến 110 - nghĩa là kể từ đảo Hải-nam về phía Mỹ - nước nào cũng chỉ được gìn giữ các nơi căn cứ ấy thôi chứ không được đặt thêm súng ống hay xây thêm pháo đài.

Điều lệ ấy là một điều lệ cực quan-trọng đối với Nhật vì nó bắt buộc Mỹ không được lập thêm theo ý muốn của mình nh ều nơi căn cứ hải-quân ở về phía tây Thái-bình-dương và làm cho sức tấn-công của hải-quân Mỹ giảm bớt đi nhiều và Nhật cũng không còn phải lo sợ một sự tấn công tự ngoài bề vào đất mình nữa. Trong cuộc chạy thì về tăng b nh bị mà Nhật lúc ấy cơ hồ như không có đủ sức để đuổi theo kế địch, Nhật đã vì khôn khéo mà không những đã không phải hy sinh sự yên ổn của mình mà lại còn được ngồi ngời ở đường sức và làm củng cố địa vị c. a mình.

Vì thế nên tháng Juni 1925, Bác-sĩ F. W. Mohr, một nhà báo chuyên môn về các vấn đề Thái-bình-dương đã viết trong báo *Marine Rundschau* một bài ở trong đó một câu như thế này :

—Nước Nhật đáng được hoan hô như kẻ đã thắng trận tại hội-ngệ Washington !

Sau đó, năm 1930, hợp-ước hải-quân ký ngày 22 Avril ở Londres - ảnh hưởng một thời kỳ gắng sức c' a Anh và Mỹ giảm lực lượng hải-quân cốt làm cho mình không phải tốn kém bao nhiêu n ả vẫn giữ ưu-thế về mặt hải-quân. Nước Nhật đành chịu ưng thuận hạ từ mười xuống chín số tàu thiết-giap-hạm của mình và không được vượt quá một số tổng cộng về số trọng tải của các tàu tuần-lưu-trạm và phóng-diệt, ngư-lôi của mình nhưng lại được đồng số tàu ngầm với Anh và Mỹ.



MÁY KIỂU TÀU CHIẾN NHẬT

ANH TRÊN : Tàu chiến "Asagara" vào hàng tuần-dương-hạm hạng nặng trong t ải 10.000 tấn.

ANH DƯỚI : Một tàu ngầm kiểu lớn của Nhật có thể đi xa các nơi căn cứ được. Trọng tải 1950 tấn.

Mãn-châu và ra khỏi Hội - Quốc - Liên. Rồi càng ngày càng bị phải quan-nhân bức bách, ngày 31-12-34 Nhật tuyên - bố bãi hợp-ước Washington. Nhưng tháng Decembre năm sau, Nhật lại phải tới họp hội - nghị thủy - quân ở Londres và vì xin được ngang hàng với Anh-Mỹ trong vấn đề hải-quân : nghĩa là Anh hay Mỹ có bao nhiêu tấn tàu thì Nhật cũng được phép có ngần ấy tấn tàu và bị Anh-Mỹ từ chối nên Nhật n ả chứng b cuộc hội-ngệ ra về.

Từ đó không còn ai ngăn cấm Nhật có quyền được có một hải-quân mạnh như ý Nhật muốn nữa nên 1935 Nhật bắt đầu một cuộc tấn công vĩ-dại vào đất Tàu.

(Ký sau tiếp hết)
TÙNG-HIỆP

MUON ĐƯỢC CHÓNG GIỮ NÊN
MUA VÉ XÒ SỐ ĐÔNG-PHÁP

MẬT TRẦN DIỄN-ĐIỆN

Khi giết quân Tàu

Đây không phải là một chuyện đùa mà cũng chẳng phải là một bài văn trào phúng tác giả dùng chữ *Khi*, để chỉ một giống người nào trên mặt đất.

Không chuyện chúng tôi sắp nói là chuyện thật. Bởi vì người ta cho là nó thật. Hãng Reuters chuyển nó từ ở *Nữ-Uớc về*. *Nữ-Uớc* đã nghe thấy kẻ nó ở trong « *China Relief Committee* » Thông tấn xã *Domei* đem thuật lại.

Thuật rằng :

Con đường mới nối Vân-Nam với Assam, thay cho con đường cũ « *Burma Road* » rất treo leo hiểm trở. Hàng ngàn hàng triệu cu li Tàu phải nai lưng ra làm việc cho con đường ấy được hoàn thành sớm sớm. Núi dốc và cây to đến mười ôm. Người tiêu phu mạo hiểm nhất chưa hề để chân đến đó. Trần gió to bằng cái cột đình năm

chấn ngang đường. Hồ, heo, rắn, rất lấy vợ lấy chồng và sinh con ở đây đã mấy ngàn năm nay rồi. Nhất là tổ tiên của Tarzan thì nhiều

lắm : khỉ lớn, khỉ bé, khỉ mẹ, khỉ con, khỉ gái, khỉ trẻ. Ta, để chúng đi, không cần biết chúng có là tổ tiên của chúng ta không. Đạt-nhĩ-văn không có liên lạc đến chuyện này. Chuyện khỉ này liên can đến người thợ khách làm con đường Vân-Nam mới.

Việc xảy ra như sau này :

Những người thợ khách do một hôm đem sừng cẩu đến đập đá và cốt mìn để phá núi. Phá những núi ngăn Ấn-Độ với Điện-điện.

Họ làm một con đường có thể rất tiện lợi cho việc thông thương của họ. Tốt lắm. Nhưng đó là chỉ tốt với họ thôi. Giống khỉ không bằng lòng. Cũng như đàn bà đòi n ả quyền đàn đàn diều thuyết xin ra ngoài xã-hội như đàn ông, giống khỉ cũng đòi khỉ quyền, không muốn cho giống người ich l ự kia xâm phạm đến rừng cây của chúng.

Một con truyền tin cho trăm con. Trăm con truyền tin cho ngàn con. Ngàn con truyền tin cho vạn con. Và vân vân. Làng khỉ nổi dậy, thề những cái lưỡi đỏ ra thét, ra khạc. Khạc ra lửa giận. Chúng không chịu k ếm những người thợ khách.

Và một thế trận bày ra. Không phải mệ hỗn trận. Không phải chớp nhaoang trận. Cũng không phải trận chiến-xa. Chúng đánh giáp

lá cà. Để chơi nhau thì một vài cái chết có là mấy ? Toàn quân bị bại xô đẩy nhau mà chạy không còn mệnh giáp. Song các bạn chó vội mừng B ền thắng lợi không phải là giống người, không phải là quân Trưng - khánh.

Than ôi, giống khỉ đã được, đã được một cách oanh liệt ẻ. Chúng đã can đảm đánh tan được đám người một buổi sáng nọ, làm tan mất cả sự êm tỉnh rừng cây. Trước hết, chúng bắn hơi độc vào mặt lính. Anh nào không mà mất là may. Rồi chúng ném. Chúng lấy đá núi, treo lên cây ném xuống. Ném vô đầu quân Trưng-khánh. Thông tấn xã *Domei* không hiểu có pha tro

Đường Vân-nam bị ghen, người ta không tải thuốc là sang Tàu bán được. Nhiều người thấy thế không hiểu tại sao mà

THUỐC LÀ VẪN BỊ KHAN

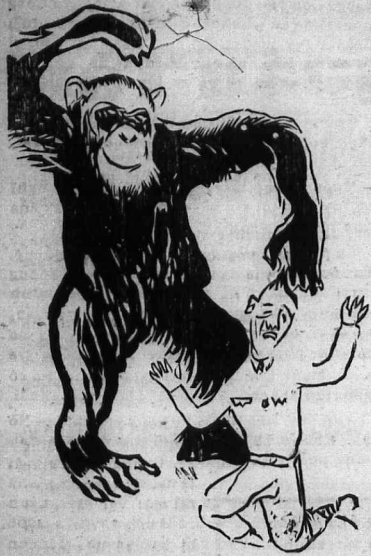
NẠN KHAN THUỐC LÀ

là một vấn đề thời sự nóng sốt mà lúc này ai ai cũng đều muốn biết

ĐỘC : SỢ THUỐC LÀ

của TRUNG - BẮC CHŨ - NHẬT kỷ sau các bạn sẽ biết lịch-sử thuốc là. Thuốc là, một nguồn lợi - Thuốc là với sức khỏe. Nam-kỳ với thuốc là - Thuốc là với danh nhân - Thuốc : lao với thuốc là - Bàn bà với thuốc là. CÁC BẠN SẼ BIẾT RÕ CÁ VỰ AN AN PO VÀ

Phiên tòa đặc biệt xử việc An Po ra thế nào ?



không? Thà so đáng tin không thêm bớt, quân Truật-khánh chết nhảm rằng ra vô so, Cổ nhiều kẻ bị thương, Một ít người lại mất cả hai tai nữa —hững thông tin này không nói rõ là kìa nào chiến đấu đã dùng những cái tai đó để ăn hay làm gì.

Dù sao, muốn làm gì thì làm, cái nhục đó cũng xuất lên đến trời. Bọn tàn quân quyết định: thù này phải báo. Báo thù này không dùng đến máu không xong. Quân lính làm đường Văn-nam, ăn uống no say rồi, quyết phải phản công một chuyến cho ra phết. Ai chà! họ đánh cho giồng khi phải bỏ các xứ, phen này. Không, giồng khi chỉ bỏ các xứ... người ở đó một thời gian. Chúng chạy tuốt lên rừng bầy cách khác.

Kể thuật lại tin này rất lấy làm tiếc không được gặp một *Khi đại tướng* để phỏng vấn đôi lời xem chúng có độc binh thư cổ không. Nhưng cứ xem cách hành động của chúng, đó ai dám bảo chúng không biết những mưu hay chước lạ của các vị quân sự đời Thanh, đời Tống, đời Nguyên, đời Mãn. Chúng lấy giặc để trị giặc như ta lấy tròng để trị tròng.

Quân Trùng khánh đánh chúng, đuổi theo chúng, giết họ hàng nhà chúng, đến lúc rất quàn về thì mệt. Mệt thì ngủ. Họ ngủ say. Giấc ngủ đã hại họ. Thửa lúc đêm khuya khi bên lò rô bò về đánh lén. Người không kịp trở tay; người lại thua xiềng liềng. Lương thực bị cướp. Lũ khi lại vật thêm được mấy cái tai. Vạn tuế loài khi, chúng lại thắng lợi một phen nữa. Chúng sắp sửa dồn được quân đi chiếm đất ra ngoài địa phận. Thì giồng người ác thay lại khôn hơn, tài rất nhiều khi giới và quân trừ bị đến giúp sức và canh phòng thêm cần mật.

Loài khi đánh hó tay. Chúng không bằng nhưng chạy trú vào hang ổ. Một lần nữa *cường quyền thắng công lý*. Loài khi bàn tán về chuyện này còn lâu. Chúng cũng không lấy trận chiến tranh này làm si nhục. Bởi vì dù sao chúng cũng đã thắng đám quân kia tới hai lần. Vẫn theo tin Domei thì công việc của quân lính Trùng-khánh trên đường Văn-nam mới có nơi phải định lại tới một tuần, giồng khi còn làm rầy rà nhiều nữa nếu sau giồng người không đem cốt mìn đến để đuổi quân địch chỉ rập tằm nhảy dù từ ngọn cây xuống để bốp chết những người vô nghĩa lý và tàn ác.

Một lần nữa, chúng tôi xin nói, chuyện này không phải tự chúng tôi đặt đề ra. Tin Domei mới chính đăng vào ngày 14 Mars. Theo hãng này thì những trận chiến tranh khốc liệt giữa người và khi đều có quay phim cả.

Nếu quả thực như thế, thì lại càng hay chứ có sao. Người ta càng thú vị những phim ấy có thể thực hơn phim Tarzan nhiều lắm. Trước đây, chúng ta vẫn nhận thấy những người xem phim Tarzan về, thích thì có thích thật, nhưng không chịu tin rằng giồng khi lại khôn đến nuôi đứa trẻ sống nên người được để sau này nó trở nên một ông chúa sơn lâm. Lại như khi *Bogo* thì nhiều người lại nghi hoặc cho là người đóng giả. Khi gì lại khi lại đến thế: biết đời từng nét mặt, biết pha trò, bao nhiêu cách diễn lúc đóng phim nhất nhất đều như hệt tài tử vậy. Những bài ở dưới đây sẽ còn đem cho độc giả thấy nhiều con khi khôn hơn thế. Ở đây, nhân tiện nói đến trí khôn loài khi, ta thử xét loài khi có trí khôn như một số người đã tưởng không. Và giồng khi phải chăng là giồng vật khôn nhất hay lại còn có giồng nào khôn hơn nó nữa.

Từ ngày Descartes xướng lên thuyết trí khôn và thiên tính, người ta vẫn còn phân

THỔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI:

« Thanh-niên phải là chung cho cả nước, như chính-phủ này, chớ tình vô chúng có chuyện biệt-lập một đảng Thanh-niên nhà-nước ».

văn không hiểu nên bảo giồng vật khôn vì thiên tính hay là vì trí khôn.

Tuy vậy, những kẻ giữ thuyết « giồng vật thông minh » từ trước đến nay đã tiến bộ khá nhiều vì tất cả các điều quan sát của loài này đều cốt tỏ ra rằng giồng vật hành động như người bằng cách lý luận và giồng vật có lẽ cũng có, nhưng kém hơn và chắc chắn, những lương-năng làm căn cứ cho các việc hành động có nghĩ ngợi như kỷ ức, sự cảm biết lẽ phải và ta có thể gọi đó là trí khôn vậy.

Người ta không thể nào gọi khác hơn thế sự hội ý đã làm cho giồng vật hành động một cách có tính toán trước và có lúc lại có suy nghĩ và phân tích sự hành động đó nữa.

Về sự cảm biết, người ta có thể kể rất nhiều thí dụ. Trong số thí dụ đó hẳn ta chưa quên chuyện con chó Gachiko.

Con chó này ở Tokio. Chủ nó là một nhà y sĩ ở ngoại ô. Sáng sáng, ông ta đi từ ngoại ô vào tỉnh để làm việc nhà thương. Con chó đưa tiễn ông đến nhà ga và trước giờ chủ nó ở sở về nó đã đi đón đường. Cách đây mười một năm, chủ nó bị một nạn hỏa-xa thiệt mạng. Mười một năm liền con chó Gachiko ngày ngày hai buổi đến ga và ước có cái viễn vọng đau xót là lại được thấy chủ đi về như trước. Nước Nhật lấy con chó đó làm biểu hiệu cho lòng chung thủy. Cái gương của con chó có nghĩa đều đem viết thành chuyện trên mặt báo và thành bài để dạy trẻ con.

Người ta còn làm hơn thế. Ngay lúc nó còn sống người ta dựng một cái tượng đồng để kỷ công nó — dựng chính chỗ nó đứng đợi chủ ở ga xe lửa. Lúc nó chết, quan tài của nó dạy hoa. Nhiều người đến bái khóc. Những người

văn chủ trương thuyết thiên-bẩm tất sẽ nói rằng: Con chó kia đi đón chủ như vậy không phải vì nó có trí khôn. Giời sinh nó như thế, ngày ngày nó đến đợi chủ là vì thói quen, vì tự nhiên. Nếu nó có trí khôn tất nó biết chủ chết rồi không ra ga xe lửa để đón chủ làm gì nữa.

Những người cải như thế có lẽ không nghĩ rằng muốn làm công việc của nó, nó phải nghĩ, nó phải nhớ, nó phải luận.

Muốn chứng tỏ rằng loài vật biết xét nghĩ và suy luận tôi xin kể thêm cái thí dụ này của ông Sapiens: con khi và những cây tre.

Có một con dười-roi bị nhốt ở trong chuồng. Canh chuồng có một quả chuối. Tay nó vói không được. Người ta để một cành tre ở bên mình nó. Nó cầm tre cời chuối. Nếu cành tre ngắn, nó ló vẻ thất vọng. Người ta hèn đưa cho nó mấy cành tre ngắn. Nó ngậm những cành tre một lát rồi lấp cành no vào cạnh kia. Nó có một cành tre dài. Và nó cời được quả chuối.

Xem vậy thì con vật nọ quả có trí khôn. Nó biết nghĩ mưu để tìm cho cành tre kia dài.

Người ta lại còn kể nhiều chuyện loài vật tự chữa thuốc lấy cho mình nữa. Những nhà săn bắn có tiếng đã nghiệm thấy trên mình nhiều con dười-roi và khi độc có vết là bước vết thương do chính tay chúng buộc. Một con chim giẻ nọ bị súng bắn suốt qua chân. Nó lấy



oỏ và đất buộc lấy chỗ đậu như ta bỏ những khớp xương sai vậy.

Đến giống voi thì lại tình hơn. Chúng biết nhét một cành sậy vào chân để cho màu mùn ở vết thương có đường thoát được ra. Những người đi rừng nhiều thường kể chuyện rằng: trong một bầy voi đương đi, nếu có con gặp nạn bị thương thì hai con đi hai bên cạnh dúi con bị nạn như hai thầy khấn hộ dúi một người ốm vậy.

Chắc nhiều bạn đã được nghe chuyện này: trong một lữ ở Bắc Mỹ, một đoàn xe lửa chạm phải hai con voi của một gánh xiếc kia. Một con bị thương nặng, một con bị thương xoàng. Con bị thương xoàng hết sức giữ xác bạn, không cho ai đến gần: nó sợ người ta lại làm hại bạn nó lần nữa chẳng! Trong khi ấy, nó hết sức chăm nom con bạn không may và cố sức nâng lên. Nó nâng bạn lên được và con nọ dựa vào con kia giết nhau đi về chuồng.

Những người đã đi săn cây thì lại biết rằng giống cây thì một thân bị mắc bẫy thì thả là rất liều chán ra cho gầy chân ấy thì thôi. Những thì dụ đó thì rằng giống vật khôn ngoan, lanh lợi và có khí quyết nữa, có thể nhằn hàng ngàn không hết.

Gống quạ ai cũng biết là bao giờ người làm ruộng mang ống si đồng đi theo thì lập tức giống quạ bay ngay. Chúng nó biết, chúng nó nhớ ra, có lẽ chúng tự nhủ rằng đó là một thứ khí-giới nguy hiểm. Lại một điều là chúng tài lắm, bao giờ cũng đậu ở chỗ mà đạn bắn ở ống si đồng ra không tới được.

Giống vẹt biết gì về chết rất nhiều, nhưng đáng chú ý nhất là con cáo. Về mùa rét, giống cáo khó kiếm ăn. Nó bèn nằm quay ra mặt đất. Nó biết rằng nếu chim muông trên trời trông thấy xác nó thế nào cũng bay lại rĩa. Nó đợi. Loài chim, uống cáo chết thối, xúm lại, nó quờ chán ra bắt không khó khăn gì cả. Cáo giống cáo lại giả tăng chết để đánh lừa nhà đi săn.

Trong trường-hợp này, ta không thể không nhận rằng thú vật có thông-minh. Con cáo giả vờ chết không do ai dạy hết: nó đã tính toán đả đo. Trước tiên, nó tính rằng trời rét nó khó kiếm ăn; sau, nó tính rằng nếu

Cổ-văn mười người, chỉ-buỵ năm ba, cai-trị có một, đó là quốc-gia có thể thống

không giả chết thì không thể kiếm cái ăn vào miệng cho sống được.

Chúng ta có nên kể thêm một ít loài vật biết tự tử để cho câu chuyện này được hoàn toàn. Một con diều hâu bị bẫy. Nó khỏe mạnh như thường. Từ khi đem về nhà, nó bỏ ăn bỏ uống được mười ngày thì chết.

Về trường-hợp này, bác-sĩ Paul Barich ở Museum national ở Hoa-linh-đốn có viết một bài khảo về trí khôn của loài vật và ông có trưng ra một tài-liệu chưa mấy người từng biết. Là có một giống tắc-kê ở đảo Galapagos tài-linh lắm: chúng tự ý muốn chết lúc nào cũng được. Bác-sĩ có bắt nhiều con tắc-kê vào lồng này đem về nhà nuôi. Được ít lâu chúng dần tự tử cả — tự tử không vì một nguyên-nhân nào cả. Bác-sĩ Barich kết luận rằng giống tắc-kê này có một cái hạch riêng tiết ra một chất độc vào khắp các cơ-thể khi nào chúng xét ra đời không đáng sống nữa.

Những người dạy súc vật ở các rạp xiếc và ở các hãng phim cũng công nhận rằng loài vật có trí khôn.

Bà đánh rằng lúc mới bắt đầu dạy súc-vật họ cũng tốn công phu lắm, nhưng một khi chúng đã hiểu những người dạy chúng muốn gì rồi thì chúng làm theo ý định của họ một cách chóng vánh và ít khi lầm lẫn.

Người ta nghiệm ra rằng phạm giống vật không phải con nào cũng có trí khôn ngang nhau đâu. Gống ngựa có một trí khôn rất tốt, chúng biết xé đoán và khi nào dừng đến bộ điện nào nhất nhất chúng đều ngẫm nghĩ và tính toán đả ra đấy.

Xem như vậy ta có thể lấy tâm-lý mà kết luận rằng giống vật cũng có trí-khôn như người. Năm 1892, nhà bác-học Quatrefages đã nói: «Tôi càng nghĩ thì lại càng dám quyết rằng loài vật xét đoán và nghĩ-ngợi như người. Số dĩ được thế là chúng cũng có trí-khôn như người. Có khác một điều là trí-khôn loài người thì rộng vô cùng mà của loài vật thì hẹp hơn».

Chúng tôi xin mượn câu này để kết-luận và cũng nhân tiện để trả lời những bạn đã nghĩ ngớ ỏi trí thông-minh và lòng can đảm của những ông bồ-dù vừa nói trên kia.

TIẾU LIÊU

CON KHỈ ĐỘC KHÔNG ĐỘC ÁC

Những chuyện
ở chung quanh
con khỉ độc

Hồi thập-lục thế-kỷ, một thầy-thủ người Anh tên là André

Battel, bị người Bồ-đào-nha bắt làm tù binh ở Angola, nơi chuyên về con khỉ độc trước nhất.

Theo Battel, thì con khỉ độc tên Pongo là một vật không-lò giống hệt người ta, chỉ khác là chân nó không có bắp thịt. Nó ở trên cây, song thỉnh-thoảng cũng vào nhà người ta ngồi trú. Tay cầm một cái gậy, nó có thể đánh chết voi hoặc làm voi phải chạy trốn. Sức khỏe của nó có thể đè bẹp mười người mới lúc.

Sau này ông La Brosse còn nói thêm nhiều chuyện kinh-dị hơn thế. Ông nói trong rừng hoang châu Phi, thường có những bàn tay đen và lớn rua lông lẳng từ trên các cành cây thấp xuống. Hễ vô phúc có gài da đen vô ý đi qua phía dưới là bị những bàn tay ấy ôm chèoang ngay lấy, nhắc bổng ngườ lên cao rồi bị đem đi một nơi nào xa thẳm không ai biết. Các cô bị giam hãm một nơi buồn không ai làm nó-lệ và làm... người... nặng khăn sầu tui cho con khỉ độc, nó đối đãi với các cô rất nhã-nhân lễ-phép, trừ một điều là không cho các cô được tự do.

Chúng ta nhân vậy chỉ nghe các chuyện đó. Song người bầy giờ đều tin như vậy.

Mãi đến gần thế-kỷ thứ mười chín, người ta mới bắt đầu không tin những điều nói trên, do những tài-liệu khắt-đi gọi là có giá-trị và hơi đáng tin của mấy nhà thám-hiêm trong số đó có một giáo-sĩ người Anh.

Chính giáo-sĩ người Anh tên là Savage là người đầu tiên phá những thành-kiến sai lầm về con khỉ độc rồi đem người Pháp tên là Dulhaillu và người Đức Koppelfels.

Hồi ấy, các nhà thiên-nhiên-học gọi con vật ấy là *Ingena*, *Gina* v.v... Mãi đến năm 1847, người Mỹ mới bắt đầu gọi nó là *gorille* theo cái danh từ khoa-học là: *Trogolodytes Gorilla*. Sau đó ít lâu, các nhà khoa-học liệt hẳn giống hủu ấy vào loại *Gorilla Gina*.

Khỉ độc có phải là người
rừng không?

Từ đây trở đi, người ta mới có thêm nhiều tài-liệu xác thực về giống hủu ấy. Tại nhiều nước, Viện khoa-học nhận được những xương sọ, và cả những bộ xương toàn thân nó, cùng những bộ xương đào được dưới đất hồi giống ấy còn được coi như là một quái vật, như Rồng như Lân.

Khảo-cứu như vậy, chưa đủ. Người ta lại tổ-chức nhiều cuộc thám-hiêm để nghiên-cứu giống ấy tại ngay nơi nó sinh trưởng, và bằng xương bằng thịt sống kia Công việc của đoàn thám-hiêm của đại-uy Arrhenius người Bỉ kết quả được mỹ-mãn hơn hết.

Nhờ đoàn thám-hiêm đó, ngày nay người ta đã có những tài-liệu xác-thực và đây đây về một giống vật mỗi ngày một hiếm và đương đi đến cõi diệt-vong.

Quê-hương giống *«Gorille»* không phải chỉ là hai xứ Galoon và Congo, như người ta tưởng lầm bấy lâu. Nó ở hầu hết các rừng-rú châu Phi.

Giống ấy có nhiều loại đại-đồng tiền-di, tùy từng địa-phương.

Nó là giống hủu lớn và khỏe hơn hết. Con được lúc thanh-niên, thường cao tới 1m80, nghĩa là nó dài hơn vóc người ta nhiều, vì thân nó so với mình nó thì rất ngắn. Battel báo rằng chân nó không bắp thịt là tả lầm. Thật ra, bắp thịt nó hẳn lớn rõ hơn các loài vật khác. Chân thì rộng, ngón chân nhùng to và dày, chỉ khác chân người ta ngón chân cái choạc ra như ngón tay cái vậy. Mu bàn chân thì lông-lả lờm-lờm, nhưng gan bàn chân thì nhẵn thín và da cứng như sừng.

Tay thì dài và khỏe, bắp thịt nổi hẳn lên. Ngực và lưng thì có một cách lạ, giả dờ thì gập đôi thân người ta. Mặt thì rừ rừ, không giống mặt người bằng dướn/dướn. Răng nanh nhọn như răng chó, mũi dờ dờ, lỗ mũi lớn. Đầu có chùm lông mao, lông gợn dờ thì tu ngườ lên coi rất dữ tợn. Da mặt thì nhẵn và đen như mực.

Biết đến đầu, nó thường thét lên những tiếng như tiếng yêu-tính tả trong chuyện Thần-liên, gieo sự khủng-khếp trong óc thỏ đàn nhất là đàn bà con gái trong cả một miền rừng rú. Cũng may là rất ít khi nó bắt trộm người vật, hoa quả. Nó tới đầu là người ta biết từ đó, do những tiếng kêu ghê người của nó báo hiệu cho người ta.

Người con gái và con khỉ độc

Song nó cũng không dữ tợn như loài người ta đã thuật lại đâu. Những giống khỉ độc ấy, người ta có thể nuôi từ lúc nhỏ, ở trong nhà như chó như mèo, tỏ ra rất trung-giã với chủ.

AI CÓ BÁO GRINGOIRE, VU, VOILA CỜ?
Mướn mua báo GRINGOIRE, VU, VOILA cũ, trước năm 1940-1941. Viết thư hay đến M. Luyen 26, Henri d'Orléans sáng từ 9 đến 11, chiều từ 3 đến 6 giờ.

loạng-choạng đi rờ từng bước như một người mù. Sau người ta xét ra là Gargantua đã bị kẻ nào cho uống một thứ cường-toan. Viên võ quan chữa chạy mãi, được ít lâu Gargantua lại được sáng mắt, nhưng từ đấy nó đã mất hết tinh thần lành xưa và trở nên câu-có như bây giờ.

Không cần dạy cũng khôn

Giống ấy hình như có một thiên-bẩm sẵn. Nghĩa là nó có trí-khôn một cách tự-nhiên chứ không phải do sự dạy dỗ hay sự bắt chước.

Một lần con Cúnningham bần bộ áo trắng rất sang, con khỉ độc định ngồi kê lên đầu gối, bị chủ nổi giận dầy ra. Nó liền đi lấy một tờ nhật-trình đem đặt lên đầu gối chủ rồi ngồi tót lên, chỗ khố lấm bần bộ áo đẹp.

Sau, chủ nuôi nó phải đi xa, gửi một người nuôi hộ. Con vật trung-nghĩa nhớ chủ quá buồn rầu, nhịn ăn mà chết.

Cổ-nhiên không phải con khỉ độc nào cũng ngoan-ngoon đáng yêu như con khỉ nuôi từ nhỏ này. Nhưng thế cũng đủ tỏ rằng giống ấy nguyên không phải là một giống dữ-tợn ghê-gớm như lời Batell thuật trên.

Cũng có con bắt và giết chết được người, nhưng cũng nhiều con phải chạy trốn các nhà thiện-sạ. Nó chạy trốn nhanh như gió, mình nặng hàng vài trăm cân tấy mà nhảy-ruền cánh nhẹ sang cành kia nhẹ nhàng như bỡn.

Bản tính khôn ngoan và lo xa, thường lúc ngủ trong rừng là dựa lưng vào một gốc cây to để tránh khỏi bị đánh bặt thỉnh linh do phía ấy.

Nó đi bằng bốn chân tay và thỉnh-thoảng cũng đi đứng hai chân được như người ta.

Con vật to lớn ấy tuy sức khỏe như thế, song dễ giết chết hơn nhiều giống khác, và không chịu được vết thương lậu bằng người, dù là vết thương do một viên đạn nhỏ.

Thỏ dầm Châu Phi thường khi dùng tên bắn giết nó, hoặc dùng lưới bắt sống nó.

Khi con khỉ độc bị thương sắp chết, nhà đi săn mới thấy nao lòng. Vì nó giống người quá. Nó rên-rĩ, la-lối kêu đau. Tay nó khoanh lại che mặt hoặc bưng lấy vết thương để máu khỏi tóe ra, vật lộn dầy dụa, với vẻ sợ chết tỏ rõ trên nét mặt dữ-tợn thù-hiểm. Nhà liếp-hộ, trước quang cảnh ấy, động lòng, và thỉnh-linh lòng se lại, ăn-năn hối-hận vô cùng, tưởng như mình vừa gây nên án-mạng.

LÊ HÙNG PHONG

HO LAO

Tôi có một phương thuốc ho-lao của ông bà để lại. Nay làm ra bán. Mỗi ve giá 12p00

M. Nguyễn - văn - Sáng

Cửa Hương-Giao-làng Tân-Quê (Cần-Thơ)

Botte postale n° 10

Hai cuốn sách mới về thông chế Pétain

Chúng tôi vừa nhận được hai cuốn sách mới nói về thông-chế Pétain : một cuốn viết bằng tiếng Pháp do ông Jacques Duval soạn « Souvenirs sur le maréchal » thuật những kỷ niệm của ông với thông-chế. Cuốn thứ hai viết bằng quốc-văn và do ông Trúc-Dĩnh biên soạn. Ở đầu tập này có thơ của ông Thùy-Thiên diễn theo ý nhà ngoại giao kiêm văn hào nước Pháp là P. Claudel. Trong cuốn sách của ông Trúc-Dĩnh tác giả thuật rất cặn kẽ về cuộc hội đàm 24 Octobre 1940 giữa hai quốc trưởng Pétain và Hitler. Ông Trúc-Dĩnh lại nói rõ cả cái chương trình cách-mệnh quốc-gia của thông chế Pétain, nhiều đoạn làm ly thống thiết, nhiều đoạn làm cho người xem phấn khởi, thật đã tài tình vậy.

ĐÃ XUẤT BẢN :

Giặc Cờ đen

Sách dày 100 trang, khổ 12 x 19,

hai màu — giá bán \$35

Cô Tư Hồng

dày 240 trang, khổ 12 x 19, giá \$8

HỎI TẠI :

TRUNG - BẮC THY - XÃ

30 Boulevard Henri d'Orléans - Hanoi

Bốn môn thuốc bổ cần thiết cho Nam, phụ, lão, ấu, hàng ngày.

- 1) Thuốc Bổ-thận Đức-phong 1\$50
- 2) Thuốc Đại-bổ Đức-phong 1,50
- 3) Thuốc Điều-kinh Bổ-huyết 1.20
- 4) Thuốc Bổ tỳ-tiền cam. . . 1,00

do nhà thuốc tường đồ

Đức-Phong

phát hành

Một hiệu thuốc tin-nhiệm, có bán buôn bán lẻ đủ thuốc bổ, thuốc bảo vệ và các thứ sản phẩm hiệu.

45, Phố Phát-Kiến - Hanoi

CON KHỈ «NGU'Ò'I» và những CON NGU'Ò'I «KHỈ»

Trong các giống vật, khỉ là loài được người ta để ý đến nhất vì khỉ là giống vật giống người hơn cả.

Người ta thường xướng lên thuyết khỉ là ông tổ loài người vì thấy khỉ giống người. Nhưng theo Darwin thì những nhà khảo sát về sự tiến hóa của các chủng-loại không bao giờ xướng lên thuyết ấy.

Nhưng ta có thể nói rằng loài khỉ và loài người đều chung một ông tổ sinh ra. Theo thuyết này thì cả tổ loài người và cả tổ giống khỉ là hai anh em ruột. Hai ngành đó cứ đi mãi mãi xa nhau cho đến bây giờ chúng ta không nhận bất cứ một một bác khỉ nào là có họ với chúng ta. Trong khi chính bác khỉ đó rất có thể là cháu gọi ta bằng chú hay bằng cậu xa lắc xa lơ.

Theo những sự nhận-xét của khoa cổ-sinh-vật-học thì từ đời thượng cổ, bất cứ về loài nào, những giống sinh đời sau bao giờ cũng hoàn-toàn hơn giống sinh đời trước. Ông Cuvier cũng đã dựa vào những sự nhận xét của khoa cổ-sinh-vật-học mà cho thuyết «khỉ là tổ loài người» là đúng. Đến tận bây giờ phái cho khỉ là ông tổ loài người và phái phản đối vẫn chưa bên nào chấp nhận nào.

Cũng như người, khỉ có nhiều giống lắm. Có những giống khỉ sống biệt-lập trong những khu rừng quá âm-uỷ rậm-rạp mà người ta không làm thế nào vào gần để khảo sát phong tục của chúng được (có lẽ giống này là khỉ Tào đã đánh quân lính Trưng-khánh chăng?). Nhưng đó thuộc về bất cứ một giống gì, không có giống khỉ nào mà sống chung đụng với loài người. Trong những khu rừng ở Phi-châu, khỉ sống hàng đàn hàng lũ nhiều vô kể nhưng mỗi khi chúng thấy bóng người là cố tìm cách trốn tránh hình như chúng biết rằng những cái ống hơi giống giống chúng ta đã nhiều lần gieo rắc sự khủng-khiếp cho loài chúng. Cho đến cả giống khỉ độc mà ta thường gọi là dười-vơ, trong bộ ngoài thì dữ-lợn, đồ-sợ là thế, mà trông

thấy người là chạy như ma đuổi. Người ta đã đổ oan cho dười-vơ là một giống vật hung dữ. Chính ra dười-vơ là giống rất «đạ-tình» và giàu tinh thần gia-tộc nhất. Thường thường giống này chỉ sống từng đoàn đôi mươi con là nhiều. Đó là cả một gia-đình dười-vơ sống tụ họp rất hòa hợp với nhau. Ban ngày «ông» dười-vơ đi kiếm các thứ quả về nuôi vợ con, ban đêm lại ngồi ở cửa tổ để canh cho vợ con được yên ổn. Nhiều khỉ khi sai các con đi kiếm mồi và khi nào vợ con nhầm lẫn, khỉ ta cũng mắng mỏ và có khi đánh đòn cần thận. Trông thân thể nặng nề như thế mà dười-vơ leo trèo rất giỏi cho nên chúng thường biết chọn những cành cây chắc chắn và cao để làm tổ.

Dười-vơ là một giống vật hiền lành thực đấy nhưng vô phúc cho nhà đi săn nọ mà bản chuyết hay là chỉ bản nó bị thương xoàng. Lúc ấy nó sẽ trở nên một con vật hung dữ hơn hồ, xông vào nhà đi săn cấu xé, cáo cấn cho đến khi lan ra từng mảnh mồi thôi. Người ta kể chuyện rằng có một nhà đi săn gặp hai vợ chồng dười-vơ bèn giờ sáng nhắm một con bản. Con cái bị thương nặng ngã từ trên cao xuống rẫy rụa chờ chết. Con đực không bỏ vợ chạy để chánh những viên đạn có thể giết nó mà còn liều mạng đâm bổ xuống vô lý nhà thiện-xã «mà cấu xé báo thù cho vợ».

Ở đảo Bornéo và bán đảo Mã-lai, có một giống khỉ rất to mà dân bản-xứ gọi là «người rừng». Giống khỉ này có thể gọi là tiên-biểu như người chồng, người cha khuôn mẫu. Những khỉ con bao giờ cũng quấn quít ở với cha mẹ cho đến khi đến tuổi «trưởng thành», lập một gia-đình riêng biết mới thôi. Giống khỉ này gần suốt đời ở trên cao, chỉ trừ khi nào khát nước mới xuống đất chốc lát mà thôi. Trong những khu rừng ở những xứ ấy, những nhà đi săn phải lấy làm ngạc nhiên thấy trên những cành cao những cái lều làm bằng cành cây đan với nhau rất chắc chắn và lợp bằng

những lau lá to để che mưa nắng rất khéo: đó là tổ của những «người rừng». Những khỉ muốn tránh nắng cho nhà đi săn, những «người rừng» đều chui hết cả vào tổ. Những tổ ấy nhiều khi làm chắc quá, những cánh cây đan mau quá đã làm cho nhiều nhà đi săn phải thất vọng vì đạn không thể xuyên qua được. Muốn bắt sống giống này, dân bản-xứ thường đào những hố sâu, dưới hố để một thứ rựa vỏ xanh dài vàng. Người thấy mùi rựa, «người rừng» nhảy xuống hố ăn, thế là bị bẫy. Người ta kể chuyện có ba «người rừng» bị bắt. Con cái và con nó bị rớt trong một cái chuồng để cạnh chuồng của con đực. Ngày ngày chúng mòn men ra chần-song thò tay sang chuồng nhau con nọ vuốt ve con kia ra dáng âu-yếm lắm.

Một hôm «nàng» chết. «Chàng» ở rừ như mất hồn, cả ngày không chịu ăn uống gì chỉ ngồi đăm đăm nhìn ra phía người ta khiêng xác «nàng» đi. Được ít ngày sau, «chàng» đã theo «nàng» sang bên kia thế giới. Đứa con mồ-côi thường cha mẹ cũng bắt trước tổ tuyệt thực và sau đó ít lâu cũng chết nốt.

Những khỉ ấy có thể gọi là những khỉ... người, và lại «người» hơn cả người. Những khỉ ấy, nếu biết nói sẽ cực-lực phản đối những người mang cái danh-từ «khỉ» để gọi những người chẳng ra người, những người mà ta có thể gọi là những người... khỉ. Nếu các bạn còn chưa hiểu mà cho cau trên đây là lối nghĩ, xin hãy các bạn chuyện một con người «khỉ».

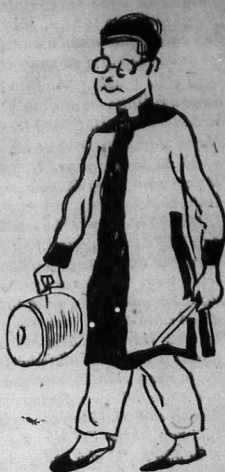
Hắn (gọi thế để không ai mất lòng) là một tên vẩn dốt, vũ dốt, chỉ con gà không nổi, học một năm chưa đủ thông chữ quốc-ngữ, đã thế hắn lại có tật nghiện dùng chữ nho. Và đây là một tấm thiệp mời do tay hắn thảo: «Kính-cáo Tôn ông, Tôn bà nhà giám,



Ngày mai nhân là ngày tứ-cử của phụ thân hiền đệ, xin kính-cáo mời Tôn ông, Tôn bà lên chùa trước là lễ Phật, sau là chữ tiếng mô hàng «sự-tắc» nghe còn 2m lại hẳn định nói

thụ trai).

Sắp ăn thọ ngũ tuần thế mà hắn lăm lăm ngắm hơn cả những trẻ gọi hắn bằng ông. Răng đang đen, hắn đi cạo cho trắng nhơn như răng bò: tóc nửa đầu đã trắng, hắn mua thuốc nhuộm cho đen nhánh. Rồi lên đôi kính trắng gọng vàng, ngày ngày hắn tha-huật, uốn gò như con gái dạo qua các phố có nhiều thiếu nữ trẻ như những cô chỉ bằng tuổi con gái út hắn!



Người ta hỏi sao giờ này nặng nề đến chầy rựa giải đường mà hắn không chịu bỏ đôi bít-lát đen, hắn giả vờ là để cho «nó nhìn» và có thể mới là vẩn-đ. Răng đã trắng, tóc đã đen và lại có cả xe-nhà, thế mà hình ảnh hắn vẫn chưa lọt được vào một đôi mắt xanh, ảo hất. Hắn thất vọng, chán đời và thường làm ra mặt ả-rữ, ngăm trắng ngăm âm lên «Đời không tri-kỷ buồn như... chết» và đi đâu cũng khoe câu ấy là của hắn tức-cảnh làm ra. Trong hơi khí hắn mắc bệnh chán đời vì không tri-kỷ, thì một ông bạn đến rủ hắn đi hát. Hắn vỗ đùi den đét, cười hề-hề sung sướng như một nhà bác-học mới tìm ra được một điều gì mới lạ. Hắn tự xưng là vua các quan-viên nên không thèm dùng chung dài và trống cùng với ai cả. Hắn mua một cái trống sơn son thiếp vàng, một cái dùi bịt bạc bỏ trong một cái túi gấm xách đến nhà hát khua xang lại xách về. Cả làng có-dầu sơ tiếng trống của hắn. Không phải vì «xinh» nhưng vì lố-lầm. Hễ cứ thấy bóng dáng hắn xách trống đến là người ta thì thào báo nhau «kia thằng bán «sự-tắc» đã đến» hay «chủ đánh trống sư-tử đã lại kia kia!» Những ông bạn được hắn cho đi «che tên» khen lạy khen đi là trống của hắn «xinh» trong khi có mặt hắn, nhưng họ thường bình phẩm riêng với nhau: «Nói trống bóng ủa nò, thụ thái (có lẽ chữ tiếng mô hàng «sự-tắc» nghe còn 2m lại hẳn định nói

Nhưng, với một nhân-sinh quan mới, ta hỏi họ: nếu cái sở thích của tôi không có hại riêng anh, nhưng có hại đến tinh thần đoàn thể mà trong ấy lẽ tự nhiên có cả anh và tôi, liệu anh có quyền chỉ trích tôi không? (cái hại tinh thần đoàn thể ra sao, trong một mục sau tôi sẽ nói đến).

Ngày nay, sống với óc đoàn thể, người ta không thể nói: «mặc tôi! tôi thích thế, tôi làm thế.» Cái «tôi» không thể sống cô-lập được. Cái «tôi», sở dĩ có được, là nhờ gia đình, Tổ quốc — tức đoàn thể vậy.

Nhà văn ấy còn viết nhiều chỗ mâu-thuẫn nữa. Chúng tôi không muốn bình phẩm ở đây. Chúng tôi sẽ gián-tiếp trả lời tác giả trong những bài luận-thuyết tình-ái trước luật tự nhiên.

Không! tôi không có cái quan niệm rằng văn chương chỉ dành riêng cho một thiểu số người thưởng-thức. Chúng

tôi không muốn có những độc giả «đàn bà trẻ con» được khuyến-kích sống liêu-lĩnh, yêu «bạt mạng» đi, đề nhà văn ấy tôn là «ông Hoàng bà Hoàng của trái tim» để được «chào sự phát-biểu mãnh liệt và đầy đủ của sức sống ở trong bà, cô» — những hạng có «lòng» có «ruột».

Đàn bà trẻ con cũng là những phần tử của quốc gia. Mà những phần tử ấy càng phải được săn sóc nhiều hơn, vì trình độ trí óc họ còn kém cỏi.

Trong khi người ta đương lo kiến-thiết lại một quốc gia cổ nhiên người ta không được để sót lại một lực lượng nào — dù một lực lượng rất nhỏ mọn — mà không dùng đến.

Không sợ mich lòng. Không ngần ngại gì cả. Cái thiên-chức của con nhà văn Việt-nam, nếu không phải là tẩy trừ những cái có hại, và gom góp vào công cuộc giúp ích cho đời, thì còn lấy gì làm chỗ tự

kiêu về sự sống đậm-bạc của mình.

Và chúng tôi còn tin tưởng nhất định trong lúc này — trong cái lúc mà luật nhân-quả đã thi hành đến triệt-đề; mà nhiều kẻ đã nhận chân được những bài học thấm thía của hiện tình thế giới; mà tiếng súng đại bác kích thích lòng người vẫn mạnh mẽ hơn những trang sách — bạn trẻ càng phải mau mau tỉnh ngộ, tỉnh đến chuyện thiết thực nhiều hơn là ảo mộng.

Hạnh phúc chẳng phải là vật có sẵn, đợi rồi nó đến. Phải biết tạo ra mới có — tức phải biết chiến-đấu. Yêu cầu là chiến-đấu, hy sinh Yêu, phải đúng với luật lệ thiên nhiên, cho thân mình được sung sướng, cho gia đình được phong phú, cho tổ quốc được thịnh vượng. Đó là những phương-pháp mà chúng tôi sẽ đem trình bày bạn đọc.

Nhưng, giờ đây bắt cứ trong trường-hợp nào, bạn trẻ chúng ta hãy lấy câu sau này làm châm-ngôn xử thế đã: «hạnh phúc cá-nhân, sở dĩ có, là do sự chiến đấu của một người. Mà sự chiến đấu ấy, cũng phải gom góp vào trong phạm vi với sự chiến đấu của đoàn thể nữa. Vì hạnh phúc của đoàn thể phải có, mới đảm bảo nỗi hạnh phúc của cá nhân.»

II

Khi còn phải uống một hụm nước, người đời còn phải yêu đương

Đã nhiều lần, chúng tôi có lên tiếng thừa nhận cái luật tự-nhiên: thừa nhận rằng có một đẳng thiêng liêng tối cao — tức Thượng-đế — đã sáng

tạo ra các sinh vật trong vũ-trụ (người, thú vật, côn trùng...) Ngài bắt các sinh vật ấy phải tuân theo và hành động thật đúng với cái ý muốn riêng của ngài. Sự muốn vật trái lệnh, ngài hèn phạt thân thiên biến vạn hóa, nhập vào trong lòng các sinh vật để giám sát, thi hành triệt-đề cái luật nhân-quả. Thuận theo ý muốn của ngài thì có hạnh phúc. Mà nghịch, cá-nhân lẫn đoàn thể đều bị diệt vong.

Vậy, không muốn mất hạnh phúc cá nhân và đoàn thể, không muốn bị tiêu diệt, chúng ta phải tìm biết những ý muốn mà nhiệm của Thượng-đế, để cứ thế hành động trong tất cả những công việc người đời — bất kỳ lúc nào, bất cứ trong địa hạt nào. Rồi thân chúng ta, sẽ chắc chắn được sung sướng một cách chân chính, bền bỉ, gia đình và tổ quốc sẽ mau giàu mạnh, tổ quốc với năm châu.

Đừng tưởng đến lúc ra ngoài ánh sáng, ta mới bị luật tự-nhiên chi-phối. Ném ta vào vũ-trụ, ngay trong cái học sáng-tạo — tức trong bào thai — Thượng-đế đã bắt ta phải tuân theo cái thiên luật ấy rồi. Nghĩa là từ khi còn là con tinh trùng trong ấy, ta đã phải tìm các chất bổ nuôi

đưỡng cho ngày ngày to lớn (chín tháng mười ngày) cho đến khi ra khỏi bụng mẹ. Cứ phải chiến-đấu mãi để tự «tạo» ra và cũng tự «hóa» đi nữa.

Vậy từ lúc «hiện ra» cho đến lúc «biến đi», lúc nào ta cũng phải chiến đấu cả. Nhưng cái kết quả yếu hay mạnh, giàu hay nghèo, của người này khác người kia, của dân tộc này khác dân tộc kia, đều do sự chiến đấu có

Sách dạy làm các nghề

Như: Làm đồ gốm, sành, sứ, gạch, ngói hoa, vôi, ciment, tráng các thứ men. Làm thủy-tính như đúc gương soi, kính, ngói bút viết, và đồ đồ dùng. Men vẽ tráng lên vàng bạc... Tráng men lên sành chụp các màu, lên thủy-tính. Tráng gương soi mặt, gương điểm hoa. Làm các thứ ngọc giả bằng thủy-tính, ngọc trai bằng thủy-tính, chế-tạo các phẩm (màu thuốc) khoáng-vật v.v. Đó là cuốn CI c'a bộ «CÔNG-NGHỆ, TÙNG-THU». Có nhiều hình vẽ rõ, ai xem làm lấy được ngay. Giá 2\$50. Cuốn dạy làm «41 nghề ít vốn» giá 3\$00.

Dạy làm các nghề như: Làm giấy ló, xà-phòng, mực in, viết, kem đánh giày, phấn thoa mặt, phấn đánh giày, hương, trầm, đá bột lửa, v.v. Giá 3\$00 (tức là C.N.T.T. cuốn Za).

Cuốn dạy «30 nghề dễ làm» giá 2\$00

Dạy làm các nghề như Rằm lấy, bơ, sữa, phô-mát, làm nến (láp) thấp, miến song-thần, bánh kẹo v.v. (tức là C.N.T.T. BI).

Cuốn dạy làm «Kim-khí cơ-khí» giá 1\$00

Ở xa gởi mua nếu mua cả một lượt thì cực rẻ nhiều.

Thơ, mandat gởi cho NHẬT-NAM THU-QUẢN 19, Hàng Đường — Hanoi

đặt nhằm vào chính-đạo hay không. (Như những quân buôn lậu, bạc bịp, lang bịp, cũng phải hao tâm tổn sức, cũng phải chiến đấu lắm chứ, mà sao kết quả của chúng chỉ là, nếu không đưa thân đến chỗ tù tội, suốt đời sợ sặc rạc rây, thì cũng làm cho cái giống giống đoàn thể mình ngày càng yếu hèn.) Chiến đấu đi vào chính-đạo, là phải dụng công cố gắng, là phải hết tâm trí và sức lực vào một công việc hữu ích cả ta lẫn người.

Giờ, theo cái phạm vi của đầu đề, chúng tôi xin tỏ bày những phương pháp yêu đương trong trường ầu ầu sao cho hợp với cái ý muốn của Thượng-đế.

Trong cái luật tuần hoàn của Thượng-đế, ngài đặt để cho các sinh vật một nhu-yếu: đối-khát, bắt phải tìm ăn tìm uống. Mà ăn uống vào, tự khắc các cơ-thể sẽ rở-nang, to lớn dần. To lớn cho đến cái ngày — lần hay chóng tùy theo sự cấu-tạo của mỗi sinh-vật — sản-xuất đủ sinh lực làm cái việc sáng-tạo cho cái nòi giống của mình lưu-truyền lại đời đời — tức phải đến tuổi yêu đương sinh nở, mà cũng là bắt đầu làm cái việc «hóa» đi nữa. (Sinh đẻ hao mòn dần sức lực, già nua rồi chết) Ngài bắt muốn vật đến phải dùng cái sinh lực ấy. Nếu tích trữ cũng như dùng quá sức, sẽ làm cho các cơ-thể mau bị hư hỏng. Phải điều hòa tiêu-thụ ăn nhip với sức sản xuất sinh lực của các cơ-thể.

(Còn nữa)

VŨ-XUÂN-TỰ

MUÔN CÓ HÀM RĂNG ĐẸP
ta hãy đánh răng bằng
Savon
DENTIFRICE
KOL
Dépôt Général pour l'Indochine
323, RUE DES MARINS, CHOLON



AGENCES :

Ets TŨ-SON à Phanrang
Ets TONSONCO 146, Espagne — Saigon
M. LÊ-NGOC-CHÂN, Rue Saliceti VINH LONG
(Cần dùng người làm Tổng phát-hành Bắc-kỳ)

Những cảnh huy hoàng của Ấn-Độ

CÁI CỬA LÊN THIÊN-ĐƯỜNG

Giữa lúc Ấn-độ một xứ rộng lớn, và đông dân thứ hai trên thế-giới, sá thành bài chiến-trường tưởng nên biết qua đến cái tôn-giáo và sự tin-ngưỡng của dân nước đó.

Trong bài trước chúng tôi đã nói đến những cảnh huy-hoàng và vĩ đại của các cổ tích ở Ấn-độ, trong bài này chúng tôi xin dẫn độc-giả đến đất thánh của dân Ấn vừa những người theo đạo Ba-la-môn, Ấn-độ giáo hay à theo Hồi giáo. Đất thánh đó là thành Ba-la-nại (Bénarés) nơi trung tâm diêm của Phật-giáo trong hồi đạo này của toàn-thịnh (từ thế kỷ trước Thiên chúa giáng sinh đến thế kỷ sau T.C.) và là nơi đức Phật Thích-ca đã từng ở để thuyết pháp trong Túc sinh thời của ngài.

Ba-la-nại ở trên tả ngạn sông Hằng-hà là thành-phố đã được coi là đất thánh lớn nhất ở Á-châu và trên thế-giới, và đã có từ hàng ngàn năm nay.

Một nhà báo người Anh, tác-giả cuốn «Ấn-độ bí-mật» (Inde secrète) đã gọi Bénarés là cửa lên thiên đường của dân Ấn.

Bung ở hữu ngạn hay trên cầu sông Hằng-hà mà nhìn sang thì người ta thấy chi-chít những đền chùa và lâu đài của hầu hết các vị vua chúa ở Ấn-độ mỗi một về nhưng đền theo lối kiến trúc Ấn-độ. Cả vua xứ Népal là một xứ độc lập nhỏ ở phía Bắc Ấn-độ ngay chân dãy Hy-má-lap-sơ cũng có một lâu đài nguyên ở tả ngạn Hằng-hà, xây theo lối của người Tàu. Đền đài cao và vĩ đại nhất là đền do vua Aurangzeb xây nên, trên nền đền có hai cái tháp cao vút lên trời. Tất cả đền đài đó đều xây trên bờ cao giong có

bậc tam cấp dài xây xuống tận sông. Những bậc tam cấp đó tiếng Ấn-độ gọi là «ghat», do những bậc đó các tín-đo đạo Ba-la-môn xuống sông để tắm «nước thần» của sông Hằng hà. Cần phải được trông thấy quang cảnh bờ sông Hằng hà trên những bậc tam cấp một buổi sáng hay trong những ngày tuần, ngày hội thì mới có thể hiểu rõ lòng tin-ngưỡng của dân Ấn-độ thế nào. Thật là một cảnh rất là mắt. Các đền đài xây trên bờ sông hợp thành từng nhóm một lần lượt chạy qua trước mắt du khách đạo chơi trên giong sông.

Các bậc thang cái rộng cái hẹp, cái thì xây ăn sâu vào đá trên bờ sông và phần nhiều các bậc đó đều rất cao và xây vào những chỗ nề ra trên bờ sông. Cứ sáng tinh sương thì trên các bậc tam cấp và trên bờ sông đến những người đến tắm nước sông Hằng hà. Dân ông có, dân bà có, trẻ con có, họ không phân biệt giai cấp và ai cũng chỉ mong được tắm «nước thần» để cầu phúc và sống lâu. Mặc quần áo trắng hoặc hồng, đầu bịt một vuông vải mỏng mà hai đầu bay phấp phới trước gió, các thiếu-nữ như những con bặc xuống tận giong sông và sau khi mặc nước sông lại dội vào

mà thoãn thoắt lên bờ trông có vẻ rất yêu kiều.

Các «con công đệ tử» xuống tắm ở sông Hằng-hà vẫn mặc nguyên quần áo, họ vẩy nước lên rửa mình rồi hụp xuống nước và lần và ngồi phơi cho khô hết quần áo mới về. Vì thế tuy rất đông người tắm giữa giờ nhưng không hề thấy cảnh trần truồng lỏa lồ gai mắt. Tất cả các hang người các giai-cấp đều gặp nhau ở đây và đều coi nhau bình đẳng, chen chúc nhau cầu phúc trước các đấng linh thần. Khi ở dưới sông bước lên bờ, những người qui phái hoặc giàu có thì đi có chỗ ngồi riêng có chõ lạng.

Ngay bên cạnh những người đến tắm trên bậc tam cấp, người ta đang thiếu hóa thi-thế các người chết bốc trong vai trắng hoặc quan tài. Thiếu như thế chỉ trong chốn lát thì thi-thế đã thanh gio, mùi hôi khét: của mộ người xông lên sặc sụa. Xưa kia các quả-phụ Ấn-độ thường phải thiếu hóa theo chồng khi chôn từ trần. Lễ thiếu người sống có cũng có hành ở bờ sông Hằng-hà nhưng nay thì tục đó đã bãi đi rồi, chỉ còn lại trên bờ sông những phiến đá rộng dùng làm chỗ «hiếu hóa» trước kia. Có thể bảo rằng những bậc am cấp bên bờ sông Hằng hà là nơi mà tất cả người chết người sống duy

chạm nhau. Dân Ấn-độ tin rằng người sống mà được tắm nước sông đó sẽ khỏe mạnh sống lâu còn người chết nếu đem thiêu ở bờ sông thì sẽ có thể lên thiên đường được.

Quang cảnh trong thành Ba-la-nại

Đến Ba-la-nại phải xem khu dân Ấn-độ ở và khu các đền đài mới thấy rõ chân tướng của nơi thánh địa. Tất cả các công sở của người Anh, các trường học đều ở ngoài châu thành. Ở Ba-a-nại có cả trường Trung-học dạy Phạn-tự (sanskrit). Còn ở khu dân Ấn-độ ở thì đường phố cũng nhiều nơi rộng rãi, nhưng đi qua thì mùi hôi thối xông lên rất khó chịu. Người ta nói ở Ba-la-nại, người ta trợn phàm bỏ vào nhựa để đem lát đường.

Trong các cửa hàng thì bày la liệt những tượng thần bằng đồng bằng sứ và các thứ vải vóc. Những tượng đó chạm trổ rất tinh vi và công phu nhưng kém về mỹ thuật. Các nhà cửa mới xây cũng theo lối kiến trúc Ấn-độ, nhiều cái rất cao. Dân Ấn ở Ba-la-nại ai cũng muốn có nhà ở gần khu các đền đài và bờ sông Hằng-hà. Các nhà cửa theo

kiểu Ấn-độ muốn sáng và hoành hơi chỉ được

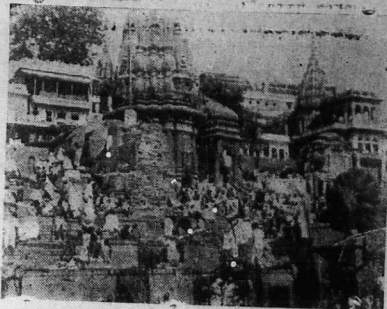
những lỗ nhỏ, còn tường thì vẽ đầy những cảnh thần h o a i trong đạo B à - l a - m o n .

Trên khu Ấn-độ, chỗ nào cũng thấy đền chùa, tất cả trong thành-phố có tới 1.454 đền của đạo Ba-la-môn và 272 đền của Hồi-giáo. Những ngày hội hè, dân Ấn ở khắp bán-đảo đều kéo đến lễ bái ở Ba-la-nại, có khi có tới hàng 100.000 người. Xung quanh và trong các đền lúc nào cũng đông nghịt những tín đồ. Ngay ở trước sân các đền chùa cũng rất hỗn thủ vì người ta nuôi các «bò cái thần» ngay ở đây.

Những cổ tích đáng ghi ở Ba-la-nại

Tất cả các đền, chùa và lâu đài ở Ba-la-nại đều xây độ 3, 4 thế-kỷ nay không một cái nào xây trước hồi thập lục thế kỷ và có nhiều đền lại mới xây vào thế kỷ 19.

Sở dĩ như thế là vì dân Hồi giáo khi đến chinh phục Ấn-độ và làm vua ở nước đó đã tàn phá rất nhiều các di tích của cổ thời và ép một phần dân Ấn phải theo Hồi giáo. Tuy vậy dân Ấn vẫn không thế nào từ bỏ được tinh-thần tôn-giáo và quốc gia của dân Ấn-độ. Dân Ấn đã chống được những kẻ đến chinh phục nước mình trước kia, cũng như ngày nay vẫn chống với người Anh và sống văn-minh từ Autay tràn sang. Trong các đền



Trên bờ sông Hằng-hà dân Ấn-Độ đang đợi giờ để tắm «nước thần» của sông

đài ở Ba-la-nại chỉ có hai cái là đáng để ý.

Trước hết là «đền vàng» tên Ấn-độ là Beshevar. Sở dĩ đền này có cái tên rực rỡ đó là vì các vòm trên và hai cái tháp vuông nhon trên đền đều phủ bằng những tấm đồng có mạ vàng. Chính vua Ranjit Sing trước khi chết đã ra lệnh cho kẻ nối ngôi phải lập đền đó bằng vàng khối, nhưng sau khi vua đó chết thì người ta chỉ dùng đồng mạ vàng.

Những đầu thế hiện nay màu vàng của các vòm tròn trên đền bắt hẳn trên màu đỏ thẫm của hồng nh thạch cũng đủ làm cho ngôi đền thờ thần «Giva» (thần phá hoại) có vẻ giản dị mà rất đại. Trong đền hàng ngày vẫn đông những đàn bà mang hoa quả và lễ vật đến lễ và khấn lăm râm cùng nói chuyện ồn ào. Cứ mỗi chục quả chuối to trước sân đền lại nổi lên một hồi kêu vang khắp cả vùng. Sân đền vàng có giống thần là nơi các người đi lễ thường ném hoa xuống để dâng thần giáng. Mùi hoa thoải lả vào màu nước từ hăm lăm cho du khách rất là khó chịu không thể đứng lâu được. Giva sân đền có một cái tượng «bò cái» — một con vật trong thần thoại Ấn-độ được



Các thiếu tu Ấn-Độ ngồi trên các bậc (ghat) ở bờ sông Hằng-hà

dân Ấn tôn trọng. Tượng bố đặt trên một cá bệ cao. Gần tượng có nhiều thầy phù thủy Ấn-đô ngồi đêm ngồi tụng niệm quanh ngọn lửa thần, có khi họ ngồi tĩnh tọa hàng bốn, năm mươi ngày không động. Bọn thầy tu và phù thủy đó đều mình gầy xác ve, lúc nào cũng không mặc quần áo chỉ có một cái khố che thân, trên đầu thì tóc dựng ngược và mắt thì như mắt thằn lằn không khác gì những con quỉ đen. Họ ngồi yên lặng không hề cử động ai trông thấy cũng phải tự hỏi phải chăng đó là những người sống hay chỉ là một bộ xương học đa đa mất hồn. Không biết trong óc họ nghĩ đến những gì và có người phải tự hỏi vì lòng mê tín hay là vì sự giả dối mà bọn phù thủy và thầy tu kia lại ngồi tĩnh tọa như thế?

Ngồi trên vàng trên này, ở Ba-la-nại còn có ngôi đền Hồi giáo do vua Anranzeb xây nên là có vẻ vĩ đại hơn các đền Jain khác.

Ở Ba-la-nại tuy trước kia là nơi Phật Thích-ca thuyết pháp rất lâu nhưng hiện nay không có di tích mấy về Phật giáo nữa, chỉ ở gần Ba-la-nại tại Putna là một thị trấn nhỏ người ta còn thấy cổ tích những đền đài của vua A-đục (Asoka) là một ông vua mộ đạo Phật đã chia «xa-li» (carira) của đức Thích-ca màu nỉ ra làm bốn vạn tám ngàn phần để thờ ở bốn vạn tám nghìn cái tháp trong khắp nước Ấn-độ. Ở Putna, ôn thấy dấu vết các chùa thờ Phật và cây bồ-đề (sa-la) là nơi mà Phật nhập diệt để lên cõi nāt bān. Cây đó người ta gọi là cây của Phật (arbre du Bouddha). Các nhà khảo cứu người Âu cho rằng chính Putna mới là nơi trung tâm diễm của Phật giáo xưa kia, chứ không phải thành Ba-la-nại như trên đã nói.

HỒNG-LAM thuật

Cai A-Phiên

Tứ-Khật i hươu-Yên-Hoàn số 48
Giá: nghiện nặng 4p. nhẹ 2p.
Sâm nhung tuyệt-cần A-phiên;
Giá 1p50 — Thương-tuyệt-cần A-phiên: Giá 0p25.

Các cụ già lão hay người yếu đuối trước khi cai phải dùng thuốc bổ:
TIẾP-AM-HOÀN số 44: Giá 1p20.
Ở xa mua thuốc gửi theo cách thanh-hóa giao-ngân và phải trả một phần ba tiền trước, nếu không, xin miễn gửi-gân-phiếu để tên M. NGÔ-VI-Vũ, V. út-Long 58 hàng Bè Hanoi. Thư hỏi bệnh kèm tem 0p06. Đại lý: Mai-Linh Hải-phong, Việt-Long Nam-định, Ich Trí Ninh-binh, Quang-Huy Hải-dương, 21 Hà Văn Hà-đông, 36 Tam-Cờ Tuyên-quang, (áp) Tiến Camphaport, Quảng-ich Chợ-rã Bắc-kạn, Ngô hành-Hai Samnua, Trần-gia-Thủy Ph'-ly Thái-Lai Thanh-hóa, Sinh Huy Vinh, Hương-Giang Huế, Mỹ Liên Quy-nhon.

Các thêm nhiều Đại lý tại khắp Trung, Nam, Bắc-kỳ. Xin viết thư về thương-lượng.

Thuốc ho gia-đình

Mỗi gói 0\$10
TỔNG PHÁT-HÀNH
Nhà thuốc
TUÊ - TINH

Cơ quan khảo cứu thuốc Nam
83, Rue Auvergne — Vinh

Dentifrice Microbicide

Thuốc đánh răng do bác sĩ chế tạo để được giải thưởng và bằng khen về kỹ thi công nghệ đồng pháp. Bán lẻ khắp nơi

Tổng phát hành l
HÀNG DỆT PHÚC-LAI
87-89, Route de Huế Hanoi — T61. 974

BỘT TINH BẠC

HỘI - CHỢ HANOI 1941

MU IMPERIAL

Đẹp, nhẹ, bền, lịch-sự
Đại lý độc-quyền:
TAMDA et Cie 72, Rue Wiaté
Hanoi — T61. 16-78

Cần thêm nhiều đại lý các tỉnh, viết thư kèm tem và lấy mẫu Catalogue illustré.

Mới về nhiều cầu da IMPERIAL rất đẹp và rẻ, gửi 0p30 tem và lấy mẫu

DÀN BÀ LÀ 1 BÔNG HOA THƠM TRONG GIA - ĐÌNH

Vậy quý bà quý cô muốn lúc nào bông hoa đó cũng được tươi thắm để báo-đám cho hạnh-phúc gia-đình, thì nên đổi cho được

CRÈME MONA

Crème MONA là một thứ thuốc mầu-nhiệm để làm cho quý bà quý cô tươi trẻ mãi mãi
Crème MONA dùng sửa sang sắc đẹp, có đặc-tính chữa được những nốt tàn-nhang, trứng cá v.v...

Tổng-phát-hành: Pharmacie Moderne 25, Francis Garnier Hanoi.

Đại lý bán buôn: TAMDA et Cie 72, Rue Wiaté Hanoi.

Có thể bán tại G.M.R. và các hiệu lớn



TRIẾT LÝ CỦA MỘT NGƯỜI CÓ HỌC ĐỀ LÀM ÔNG THÁNH

Vương-Dương-Minh⁽¹⁾

XIX

Con Tâm đi tròn,
bắt nó trở về!

QUÁN - CHI

Người ta có con trâu con bò thả ăn ngoài đồng, kẻ trộm nắm đầu giây lỏi đi mất, hay là tư-trang y-phục bị dứa ở bất lương hoặc một ông « lương thương quân-tử » nào đem hòm rình mò cuốn gói, thường-tình ai cũng biết trình làng trình cảnh để truy tầm lấy của mình về. Đến nỗi nhiều người hốt hoảng đi xem hỏi xin thẻ, nhờ quý thần chỉ bảo cho biết của cải mình mất về phương hướng nào mà tìm.

Thế mà có cái tâm để lạc lõng buồng lung đi mất, lại không biết tìm nó trở về, là nghĩa làm sao? Té ra một thứ của cải quý báu nhất trời phú cho ta để làm nên thánh hiền quân-tử ở đời, ta lại nữ khinh thường, xem không bằng mắt con trâu con bò, cái quần cái áo!

Dương-minh khuyên chúng ta lo giữ vững bản-thể của tâm cho được sáng suốt trọn lành, cùng Mạnh-tử nói đạo học-vấn không có gì khác hơn đi tìm phòng-tâm, cùng một ý tri.

Nhưng, bản-thể của tâm là thế nào, ta có cách gì nhìn biết được nó không? Vì nếu như không có cách gì nhìn biết phân minh, thì làm sao hiểu được nó sáng hay tối, mất hay còn, mà nói chuyện thu hồi với gìn giữ?

Điều ấy, ông đã nói rồi: hễ trong lòng ta đứng suy nghĩ sự gì xấu xa, nghĩa là bỏ được ác - niệm, thế là thiện - niệm, thiện - niệm tức là bản-thể của tâm đấy.

Nếu con người ta « biết » xưa đuổi mọi ác-niệm ở trong lòng mình ra, thì ngay cái « biết » ấy cũng chính là bản-thể của tâm. Vì cái « biết » ấy là chỗ linh thiêng của lẽ phải nó phát-hiện ra. Mấy đứa trẻ khi còn măng sữa, chẳng phải dạy bảo, mà tự nhiên nhi-nhiên, nó biết yêu mến cha mẹ, biết

quần quýt anh em, vì chỗ linh thiêng ấy ở tâm nó, tự trời bầm phủ thế nào vẫn còn nguyên-vẹn như thế, chưa bị những tư-dục che

lấp tối tăm. Thế thì ta giữ làm sao cho tâm đừng bị tư-dục che lấp, tức thì bản-thể nguyên vẹn.

Có điều, tư dục tham - nhân trở xuống, không ai khỏi bị tư - dục tư-tâm ám ảnh, cho nên cần phải suy xét mọi sự vật cho biết đến nơi là thế.

Dương - minh lấy một chữ tâm đắp nên đặt móng cho sự học hành và đạo làm người, thật là đặc-thể. Nó bao-hàm chứa tề và làm nguồn suối cho tất cả những cái gọi là tính, là lý, là nhân, là nghĩa, là lễ, là hiếu v. v. không chia ra mỗi thứ ấy một chỗ đứng, một thuyết riêng, năm chỉ mười nhánh, phiên phức lồi thoi.

Các cụ tiên - nho, nhất là đời Tống, rất câu-nệ tí mĩ ở chỗ ấy, khiến người cầu học phải mất công chi-li đa-sự, có khi điên đầu rối trí.

Vi dụ Chu Hối-am tách riêng tâm với lý ra làm hai việc, nói rằng: « Người ta lo học, cốt ở tâm với lý mà thôi » Họ Chu bàn đi tán lại, dài dòng văn-tự với hai chữ ấy; luôn mấy trăm năm, người ta xem như khuôn vàng thước ngọc vì một lời Chu - tử nói ra, một nghĩa Chu-tử giải-thích, không ai dám chê, dám tưởng là trái.

Dương-minh cãi lại.

Ông bảo « Tâm tức là tính, tính tức là lý, đi hạ một chữ với, té ra không khỏi tách rời làm hai, điều ấy học-giả nên nhận xét cho khéo, 心即性,性即理,下一與字,恐未免為二,此在學者善觀之 ».

Muốn chứng tỏ thuyết mình rõ thêm, cho ai nấy khỏi nhầm lẫn, nơi khác ông nói

(1) Xin đọc T. B. C. N. từ số 83.

CÓ TRÀ PHÂN NGỰA

hương thơm = giá đắt =



Các nhà thiệp-ty đều công nhận loài ngựa có thông-minh và trí nớ lạ thường. Ngày xưa Hoàn-công nước Tề đem binh đi đánh nước Cồ-trúc, mù mịt đường lối ở giữa khoảng rừng xanh núi đỏ, không còn biết phương hướng nào mà tiến binh. Tướng-quốc Quân-Trọng nhớ ngay đến thông-minh của lũ ngựa già sinh trưởng ở bản xứ, tất là quen thuộc thung thỏ, liền dùng ngựa làm hướng-đạo. Thế rồi ngựa đi trước quân-gia theo sau, ra khỏi khu-vực hiểm hóc.

Cả lũ mỗ của ngựa cùng thỉnh đảo đề. Những con xông pha rừng núi đã quen, có tài đánh hơi beo cộp rất xa, trong khi người ngồi trên lưng nó tuy nhiên bất ngờ. Người ta bảo khi nó đang chạy, bỗng dưng kêu rít lên, thế là hiện báo có cộp ở gần đầu đấy. Muốn thủ thân chớ cộp kẻ địch, nó rúc đầu vào trong bụi, thò hai chân sau ra đá tú tung, thế mà cộp sợ không dám xông vào.

Ở đất trung-châu ta, chỉ thấy cụ bá cụ lý cỡi ngựa nhong-nhong, chẳng ai được xem dân bà con gái đặt mình trên lưng con ngựa bao giờ. Nếu ở miền thượng-du, các ngài sẽ được thấy các phu-hầu nương-tử quần ngựa như bay. Phía nam Trung-kỳ nhất là ở hai tỉnh Phú-yên, Khánh-hóa, dân bà con gái cỡi ngựa đi chợ là sự rất thường. Chỉ em tân-thời ở

lĩnh thành, chỉ giới phóng ai biết đây là đầu; nhưng ông con ngựa sắt là chiếc xe đạp, hay là cầm lái ô-tô cũng có, nhưng hình như chưa một cô nào sai-kh ến được con ngựa thật.

Không bì với phụ nữ tây-phương, chiều chiều phóng ngựa đi chơi, coi như một cách thể-thao phong nhã và sang trọng.

Đời nay, khắp cả thế-giới, mỗi thị-trấn nào to, cũng có một sở nuôi ngựa lấy giống và một trường đua ngựa, mỗi tuần lễ ăn thua nhau bạc vạn, bạc triệu. Bên Anh, hằng năm đến kỳ đua Derby ở sân Epsom, con ngựa nào về nhất, được giải hai ba triệu quan, danh vọng và hình ảnh nó truyền khắp năm châu bốn bể.

Một vị vua chư-hầu ở Ấn-độ, là Aga Khan lĩnh-tụ hơn 10 triệu dân theo đạo Hồi, nếu cứ ở bản-xứ hưởng sự tôn vinh, thì thiếu-bạc chẳng

sang ở kinh-thành Paris nuôi ngựa đua và cưới một cô hàng xó-cô-la làm hoàng-phi, từ đó thanh-danh vang dậy Âu Mỹ.

Có người nghĩ cuộc chơi ngựa đua đánh cá chỉ là cuộc chơi của thời-dại văn-minh,

phương đông minh xưa làm gì có cái thú đen đỏ ăn thua ở bốn móng ngựa?

Ài nghĩ như thế là lầm.

Kỳ hật, cò-nhân phương đông đã biết hú chơi ấy lâu lắm,

tư-nhân với tư-nhân đem ngựa ra chạy thi và đặt cuộc ăn thua vẫn có.

Cách nay hơn hai nghìn năm, đời Chiến-quốc bên Tàu vua Tề Uy-vương với tướng-quốc Điền - Kỳ thích nuôi

ngựa thì và thường tổ chức những cuộc chạy đua đánh cá với nhau luôn. Mỗi độ ăn thua đến nghìn vàng. Mỗi bận đua có ba độ, hạng ngựa nào đua theo hạng ấy, không khác gì cách sắp đặt ngựa nay bao nhiêu.

Lần mấy kỳ, Đền-Kỵ thua cuộc mất tiền lấy làm buồn bực. Tôn-Tấn bầy vẽ cho cái mẹo ăn chắc:

— Ngày mai ra đua, ngài cứ thách nhà vua đặt cuộc cho to vào. Rồi độ đầu, ngài tráo ngựa hạng ba của mình cho ra chạy đua với ngựa hạng nhất của vua. Cố-nhiên độ ấy mình thua. Tới độ thứ hai cho ngựa nhì của mình thi, rồi hạng ngựa ba của vua, hầu là mình thắng. Qua độ thứ ba, đưa hạng ngựa nhất mình chạy với ngựa nhì của vua, mình cũng thắng nữa. Ngài sẽ thua một độ đầu mà ăn hai độ sau, thì vẫn được lãi nghìn vàng kia mà.

Điền-Kỵ y theo, kỳ đua ấy quả nhiên được cuộc.

Câu chuyện này, chúng tôi thà thật hơn nghĩ như có lần lần về đến người là vì lúc viết không có quyển sách của dân để mà kê cứu, nhưng đến sự tích thì chắc đúng y như thế.

Ta xem đây thì biết người xưa ở phương đông chẳng những đã có cuộc chơi đua ngựa đánh cá mà thôi, lại còn biết tổ ngôn công-bìn (combines) lợi hại ra nữa. Các nhà tuyệt-phồn ta ngày nay có thể bảo Tôn-Tấn là tổ-sư công-bìn đua ngựa cũng được.

À, còn thí ngựa có ăn được không?

Sao lại không! Đền đại và cũng như thí trâu, các cụ huyện-thứ làng ta còn đánh chén nhai ròn khou-khau, hưởng thí thịt ngựa vị thơm và chất mềm.

Nhưng sự thật bà con nhà mình ít xoi thí ngựa, không như ở phương tây, người ta ăn thí ngựa hằng ngày, chẳng khác gì thí bò, thí lợn vậy. Nếu các ngài đi du lịch kinh-thành Paris, sẽ thấy nhan-nhân những hiệu đồ-lê treo bảng « Boucherie chevaline », ai muốn xoi thí ngựa thì vào mà mua. Người tây-phương cho ăn thí ngựa là một giai-vị, nhiều chất bổ dưỡng. Nhất là kẻ mới ốm dậy, ăn được thí ngựa càng chóng bồi bổ nguyên-khi. Chúng tôi đã có dịp được thưởng-thức một đĩa bi-tết thí ngựa ở Paris, ngon miệng đáo để.

Người Tàu có tỉnh cầu kỳ về sự ăn uống, đến nỗi lấy trong ruột ngựa ra một thứ hương-trà vừa quý hóa, vừa đắt tiền, mỗi lạng đáng giá ba bốn chục bạc. Những nhà quan sang giàu lớn tranh nhau mà mua, nhiều khi không mua được, vì thứ trân-phẩm ấy không có nhiều.

Ấy là « trăm mã trà 新馬茶. »

Còn nhớ năm 1923, một nhà phú-thương Hoa-Kiến ở Chợ-lớn đã có hảo-ý cho chúng tôi nếm thử một chén, luôn dịp cho biết lai-lịch nghiên khe của nó.

Nguyễn ở trên núi Vĩ-di, tỉnh Phúc-kiến, có một giống chè tự-nhiên mọc ra — cũng như sâm Cao-ly, giống thiên-nhiên vẫn quý hơn tay người trồng — mỗi năm đến mùa, nếu người tự lên hái đem về ở thì lại không ngon. Phải ở trong ruột ngựa mới có hương-vị. Bởi vậy, những con ngựa nào già nua, không còn dùng để kéo xe chở người gì được nữa, mà xoi thí nó cũng vô vị, người ta sai nó đi hái chè. Nghĩa là

thả nó treo lên đỉnh núi, ăn thử chè ấy như ăn cỏ. Con nào cũng nếm chắt một bụng đầy rồi mới chịu xuống, bấy giờ người ta giết thịt mổ bụng nó mà lấy chè ra. Cái tên « Trăm mã trà » vì thế mà có.

Người kể chuyện cho chúng tôi nghe rồi kết thúc bằng câu hỏi:

— Đây, ông uống có phải hương-vị nó ngọt ngào, không thử chè nào bị kị. Tà cứ pha thử chè thường, rồi điểm thêm mười lăm cánh chè Trăm-mã này vào cũng đủ thơm tho, nhuận nhĩ, chứ không cần phải uống nguyên-chất.

Nói thật, lúc ấy chúng tôi có cảm-tưởng như vừa mới uống thử chè phân ngựa, không nghe có mùi vị gì thơm hơn Thí-quan-âm hay Văn-phổ-Tiền-chúng.

Mà, nhân tiện năm Ngựa tôi mới nói chuyện ngựa, thế cũng nhiều rồi. Nhưng trước khi kết-luận, chúng tôi không muốn quên nói một chuyện lạ để các ngài biết rằng khoa-học nước Đức đã dùng thí ngựa chế tạo ra một thứ tơ rất tốt hơn tơ tằm.

Chính tạp chí « La Nature » nói ở bên Đức những con ngựa già, bệnh, không thể dùng làm thực-phẩm được nữa, thì nhà khoa-học Đức lấy thí nó, ngâm với hai ba thứ nước hóa-chất gì không rõ, chế thành ra tơ để may quần áo. Còn xương xẩu và thí thừa thí vụn thì bán cho những xưởng nấu keo.

Thì ra nhất thân con ngựa phụng sự loài người kỳ cùng, không có một mảy nào gọi là vô-dụng, bỏ đi. Đến phần nó, người ta cũng đáng làm đồ bồn tưới được kìa.

X.Y.Z.

Đã là người chính đại quang minh

KHÔNG BỜ NÀO CHỊU CHẾT TỐI TÂM

Đề tặng các di-thần nhà Lê, người ta đã viết một bài thơ, trong có hai câu đầy giọng mỉa mai chua chát:

Nhất đời Di, Tề hạ Thủ đường

— 隊夷下首
Cộng ngôn vì khổ bất kham thường
共言薇苦不堪嘗

Đại ý hai câu thơ ấy nói các bầy tôi cũ nhà Lê, sau khi Lê mất, lúc đầu đều muốn tỏ lòng « lo trung chẳng thờ hai vua » cũng nhau tìm nơi ở ẩn để giữ trọn tiết trung, như hai ông Bá-Di, Thúc-Tề chẳng chịu làm tôi nhà Chu, cùng lên ở núi Thủ-duong, ăn rau vi để sống cho qua ngày. Chẳng bao lâu họ lại lần lượt ra làm tôi nhà Nguyễn, có khác gì là bảo nhau rau vi đắng quá không thể ăn được, cùng bỏ núi Thủ-duong trở xuống, để lại tìm cái đời sống sung sướng về vang.

Cải luận điệu ấy có vẻ tỏ ràng đối với cuối Lê chẳng còn ai là người tiết nghĩa, thực là quá đáng, Trung hiếu là tôn chỉ của nho giáo, nhà Lê mấy trăm năm sáng thượng nho giáo để vun giường sĩ khí, kết quả há lại không có được những trang trường-thần nghĩa sĩ hay sao?

Muốn tỏ chỗ quá đáng của luận điệu ấy, tôi xin giới thiệu ông Nguyễn-dinh-Giản một bức tôi trưng để vì nước hy sinh, quyết đem một chết cùng theo nước cũ vua xưa. Ông Nguyễn-dinh-Giản là người xã Vĩnh-trị,

huyện Hoàng-hóa, tỉnh Thanh hóa, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ-sửu, (1769) tỉnh trường trực, đảm nói, không kiêng nề những người quyền quí. Lúc đầu ông làm biên sát-sứ Kinh-bắc, vừa đến nhậm chức ông hạch tội viên trấn thủ là Nhân-trung-hầu. Bấy giờ bọn hoạn quan chia giữ các chức vụ trong triều, chúng làm nhiều điều can dỡ, ai cũng sợ thế không dám nói, ông một mình dám kể những tội lỗi của chúng, thực là can đảm.

Năm Cảnh-hung 47, ông làm đốc trấn Cao-bằng, quân Tây-son kéo ra đánh, kinh sư Thăng-long thất thủ. Ông ở xa tin tức không thông, nên không biết rõ. Thường sai người lên đường đi hỏi thăm, đều bị kẻ thù trường các thổ dân giết chết. Một hôm viên trưởng-xứ (chức phó lãnh binh các người Thổ sung vào) và mấy thổ tù bàn mưu giết ông để dâng công với Tây-son, rồi kéo đến chỗ ông ở, bắt ông phải dâng nộp quan-ấn. Ông nghiêm sắc mặt nói:

Cuộc trưng cầu ý kiến

Nhiều môn nữ trang mới chế 1942, bông, vòng, chuỗi pendentifs nhận ngọc thạch thứ thiệt. Vòng nửa mặt nhện, hạt xoan mới long lạnh như kim cương.

QUẬN CHƯA

21, Rue Amiral Courbet Saigon

DANH NHÂN
NƯỚC NHÀ

— Áo là của triều đình, chúng bay không thể lấy được, nếu có ý ấy, thì trước hết phải giết ta đi mới được.

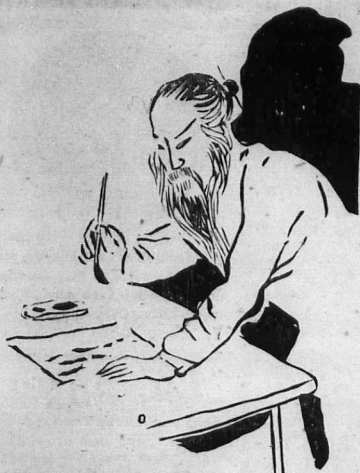
Viên trưởng xứ lui ra, rồi cũng bộn thổ từ đem quân vây nhà ông. Ông sai mở cửa ra, đứng ở giữa sân nói to lên rằng:

— Ta vâng mệnh triều đình đến trấn giữ đất này, nay trong nước có biến loạn, ta là một kẻ thù sinh, giết có khó gì. Sau này nước nhà xảy dựng lại, sẽ có hàng trăm người như ta, vì ta mà hối tội các người, lúc ấy khổ mà thoát chết!

Bọn tù trưởng lại sợ không dám làm gì, rồi ông nói thác ra là có chỉ vua đòi, lặn lội trở về kinh sư.

Năm đầu vua Chiên thống, ông làm chức Ngự sử đài phó ngự sử. Bấy giờ Nguyễn-bửu-Chính cậy có công đem quân Tây-son ra diệt Trịnh phò Lê, có ý muốn cướp quyền, ở Lương phủ, các thứ phục dụng, nghi trưởng đều làm như của vua, trong phủ lúc nào cũng bày các cuộc hát múa làm vui. Ông dâng sớ hạch tội, nói Chính đang ở vào lúc nước nhà có nhiều sự phải lo nghĩ mà lại chỉ bày trò hát xướng, không phải là đạo làm tôi. Vua Chiên-thống đưa sớ ấy cho Chính xem, Chính lấy làm sợ hãi.

Chính chẳng những chỉ sợ ông, lại đem lòng kính trọng nữa, muốn thu dụng ông làm vậy cảnh mà không được, có



vào ngục lựa lời dỗ dành, nhưng ông đều cự tuyệt. Bị bắt từ tháng chín năm Tân hợi, (1791) mãi đến tháng ba năm Nhâm-tí (1792) vua Tây-sơn mới hạ lệnh đem giết đi. Viên đồ-độc Mỗ vốn có lòng kính trọng ông, muốn cho ông được chết một cách không đau đớn, giả bộ vào hỏi rồi ngầm đưa cho ông một gói thuốc độc, bảo thăm nên tự tử đi. Nhưng ông chỉ cảm ơn mà không nhận, rồi cười mà rằng:

— Chịu trách nhiệm về việc nước, nước mất rồi mà thân vẫn còn sống đã là một sự xấu hổ rồi, tới lúc phải chết lại còn lo cầu được cái chết êm ái ư? Và lại làm giai chết thì chết, mà phải chết một cách quang minh cho giới đất và ai nấy đều biết, khi nào lại chịu chết một cách tối tăm.

Khi giải ông ra pháp-trường, dân chúng các nơi kéo đến xem đông có hàng

vạn người. Lúc sắp hành hình, thần sắc ông vẫn tự nhiên như thường, xin giám sát quan cho mượn bút giấy viết mấy chữ sau này Hoàng Lê triều từ kỹ sửu khoa tam giáp tiến sĩ, bình bộ thượng thư kiêm Đãi - độ ngự sử Bút phong hầu. Nguyễn-dinh-Giản tự Trung Lương ». Viết xong quăng bút, nhìn chung quanh cười mà rằng :

— Anh em ở lại, ta đi theo nước cũ. Thôi, làm việc đi!

Sau mấy tiếng chiến, mấy tia máu đào vọt cao như chiếu rọi tấm lòng son, hồn ông theo nước cũ, ai nấy đều tra nước mắt khóc, tiếc thương một vị trung-thần. Năm ấy ông 57 tuổi, ngày chết là 26 tháng ba năm Nhâm-tí, sau khi nhà Lê mất mới hơn một năm.

Trung-Bac chu-nhât

(Édition hebdomadaire du T.B.T.V.)

TARIF D'ABONNEMENT

	1 an 6 mois
Tonkin Annam et Le 22,	\$500 4325
Cochin-chine, France et Colonies françaises...	9,00 4,75
Étranger.....	16,00 8,50
Administration et Services publics.....	12,00 6,50

Les abonnements partent du 1er ou du 16 de chaque mois et sont toujours payables d'avance

Les mandats doivent être établis au nom de « TRUNG-BAC TAN-VAN » et adressés au n° 36 Boulevard Henri d'Orléans Hanoi

Sau hóm hành hình, di-thê ông được giao cho thả nhân lính về an táng. Nhưng người các nơi kéo đến chỗ hành-hình, đốt hương thăm viếng, mỗi ngày mỗi đông, sợ xảy việc gì chẳng, quan Tây-sơn phải hạ lệnh cấm chỉ.

Ông Nguyễn - dinh - Giản hoàn-toàn giữ được tấm lòng trung nghĩa, vậy mà không ngờ chính ông lại gặp một việc hồ-nhục. Lần thứ hai quân Tây-sơn đến thành Thăng-long, ông Giản phải bỏ tránh đi ở một nơi, bố vợ là ông Nguyễn-Hoàn muốn gây thế lực, liền đem người con gái út của ông là Nguyễn-thị-Minh dâng quan Tiết-chế quân Tây-sơn là Võ-văn-Nhiệm. Thị-Minh có nhan sắc, được Văn-Nhiệm rút yêu qui, thường viết thư sai người đi tìm mời ông về Kinh-sư cùng hưởng phú quý. Ông xé bỏ thư không xem và mắng rằng :

— Đưa con gái bất hiếu này làm nhục nhà ta, tội thực đáng giết. Ta thề không cùng thẳng giặc ấy cùng sống, nếu giời không giúp nhà Lê nữa, thì ta chỉ còn một chết mà thôi!

Tới khi có quân Thanh sang giúp, vua Lê lại trở về Thăng-long, ông Nguyễn-Hoàn vào chầu, ông Giản vừa trông thấy, lửa giận bốc lên, chẳng còn nghĩ tình bố vợ con rồi, liền chỉ mặt dạy nghìn :

— Ông còn mặt nào lại dẫn vào đây nữa. Làm một vị đại-thần, từng chịu bao nhiêu ơn nước, nay đã ngoài 70 tuổi, gặp lúc nước có nạn, còn tiếc gì một chết, mà đi cúi đầu qui gối trước quân thù để cầu sống, chẳng là để cái tiếng xấu đến vạn đời về sau ư?

Ông Hoàn biết lỗi, lặng im không nói gì.

Lão bị giam ở ngục, ông
Giàu có làm hai bài thơ sau
này:

I.
Tích nhật vị quan kim nhật từ
昔日爲官今日囚
Nhật sinh tăng nhiễm lương phùng
lưu

一生曾占兩風流
Lập triều vị đạo thù nào chí
立朝未得酬吾志
Tọa ngục thùy năng tả hã sầu
在獄誰能寫我愁
Đề sự vĩnh khố phi lực-lực
底事榮枯非碌碌
Thô thân hành nhậm nhiệm du-du
此身行止任悠悠
Tòng lai hưng phũ tâm thường sự
從來興廢尋常事
Đàn đề ngộ tâm vô oán ưu
但得吾心無怨尤

II
Nhĩ lai vị quốc vị thân gia
邇來爲國爲身耶
Quốc phật thân tôn thá nại ha
國破身存且奈何
Đàn thức cương thường song kỳ
trong

但離綱常雙寄重
Kinh trí quan-phủ lưỡng kinh gia
寧知官府兩榮枯
Hận vô vương cực trung thần kiếm
恨無王極忠臣劍
Lãng tưng Văn - sơn chính khí ca
浪擲文山正氣歌
Hưng nhất đại đầu di-miếu lệ
興亡一淚頭顱血
Hồng bạch đầu di-miếu lệ
紅白頭顱血
Thử thân nguyên dĩ thuộc hoàng gia
此身原已屬皇家
Tạm dịnh như sau này:

I
Ngày trước làm quan hay làm
là
Mọi đời hai lượt chiêm phùng
lưu
Ở triều chưa thể làm theo chí
Giám ngục ở đây tôi hối hận
Đường khổ trở đời tôi sa sà
Lam, thối thân tôi chẳng lo âu:
Xưa nay lên xuống là thường
vậy
Cốt giữ lòng là được sạch lâu.

II
Vị thân vị nước có hai đường.
Nước mất thân còn nghĩ gì
bằng

Chỉ biết cương thường hay
gánh nặng.
Quần chi cùm nhệch một mình
mang

Trung thần kiếm sắc lay không
có
Chính-khi ea hay miệng đọc
bang.

Ngang thấy vàng hồng kia
miếu cũ.
Thân này từng đã hiến quân
vương.

Bình luận thân thể ông và
tấm lòng trung ngất của ông
mãi tới lúc chết cũng không
thay đổi, người ta đã ví ông
như ông Văn-thiên - Từ
một vị trung thần đáng kính
cuối đời Tống ở Trung-quốc
vậy.

SỞ BẢO
**Chày hội chùa
Hương**

Chùa Hương-Tích gần xa chữ hội.
Đời bao người đi mong tới cảnh tiên,
Ăn chay năm mộng cửa triều,
Nước Dương mang tưới lửa phiền
từ đây.
Phật thường những ra tay lễ độ,
Nước Cam-Lô (1) sẵn có từ lâu!!!
Chờ theo phương pháp nhiệm
đầy!
HOA-KỲ RƯỢU CHUỐI phải cầu đầu xa.
Khí sinh nữ vừa sưa, vừa bớp,
Nuyệt lưu thông, gần gũi gần gần,
Chào con, vượi suối nhọ nhắt,
Đùng qua quá thấy tình thân thần
thời!

Cầm công đức Như Lai truyền bá,
Chớp vào lời tuyên cáo quốc dân,
HOA-KỲ RƯỢU CHUỐI nên cần.
Thuốc hay nước lừng xa gần ngợi
khen.
HUYỀN-KHÔNG HÒA THƯỢNG
kinh dạy
(1) Nước Cam-Lô là nước ở hội Ho-
à ngày nay.

HOA MAIPHONG



Gió lạnh mưa bay, bạn đang
thần thức với nỗi đau thương,
châm Violettes sẽ an ủi bạn
trông những ngày buồn thảm
7, Hàng Quạt - Hanoi

Lỡ, ngựa

kháp người uống Trừ Sang Tiếu
Độc Op25; nửa dưới người uống
Thấp-Nhiệt Phá-Lở Op20; Bệnh
kinh niên và nặng uống Đại-
Độc-Huyết Đại-Độc-Thang Op50;
Thuốc bôi Lở Tráng Op20;
Thuốc Tắm Sóng Op30.

Thuốc uống trẻ con
Cam-Thanh-Độc Op20; (Tà 6,
7 tuổi trở lên uống được); Đại-
Độc-Huyết Đại-Độc-Thang Op50;
Thuốc bôi Lở Op20; Thuốc
Tắm Sóng Op30. Ở xa mua thuốc
gửi CR và phải trả một phần
bà tiền trước bằng phiếu đề:
M. NGÔ-VI VŨ, Việt-Long 58
hàng Bè-Hà Nội để không, xin
mời gửi. Đại-ly: Mai-Linh Hải-
phong, Việt-Long Nam định,
Quang-Huy Hải-đương, Iên-Fri
Ninh-binh Thái-Lai Thanh-hóa,
Sinh-Huy Vinh-Hương - Q. ang
Độc, 21 Hà-Vân Hà đông, M. Ngô-
Hoàn-Hải Samuoa

ĐÔI CHO ĐƯỢC
FOOR
MỰC BÚT MÁY TỐT NHẤT
Tổng phát hành: TAMDA & C^o
73, Rue W. de H. noi - Tél. 16-78
Đại-ly: Chi-Lợi 57 Hàng Bè
MAI - LINH HAIPHONG

chiến-quốc sách

Nước Tề giúp nước Sở đánh nước Tần

Nước Tề trước giúp nước Sở đánh Tần, lấy
đất Khúc-ốc (1). Sau Tần muốn đánh Tề,
nhưng Tề với Sở giao hảo với nhau thân lắm,
Huệ-vương lấy điều ấy làm lo, hỏi Trương-
Nghị rằng: « Ta muốn đánh nước Tề nhưng
Tề Sở mới hòa hảo với nhau, nhà thầy vì ta
lo giúp cho việc ấy ».

Trương-Nghị nói: « Nhà vua cho sấm xe
và đồ lễ, tôi thử đi nơi xem có được không? »
Trương-Nghị xuống miền Nam ra mắt Sở
vương (2), nói rằng: « Vua tề ắp không kinh
ai bằng kinh đại-vương, mà Nghi này làm bề
tôi thì không mong làm bề tôi ai bằng làm
bề tôi đại-vương. Vua tề ắp không ghét
ai bằng ghét Tề vương (3), mà Nghi này
cũng không ghét ai hơn ghét Tề vương.
Cái tội của Tề vương đối với vua tề ắp
rất là nặng, tề ắp muốn đánh Tề nhưng qui
quốc đây cùng với Tề hòa hảo, cho nên vua
tề quốc không thờ qui-quốc được tử tế, mà
Nghi này cũng không được làm bề tôi đại-
vương. Vì đại-vương đóng cửa quan tuyệt
với Tề thì tôi nói với Tần-vương rằng đại-
vương đất Trung-u, (4) rộng 600 dặm. Như
thế nước Tề tất yếu đi. Nước Tề mà yếu thì
phải phục dịch đại-vương, thế là bên bắc làm

nước Tề yếu đi, bên tây có ơn với Tần, lại
riêng được cái lợi là đất Thương-u. Một kế ấy
mà có ba cái lợi. »

Sở-vương cả đẹp lòng, tuyên ngôn ở triều
định rằng: « Kể bất-cốc này được đất Thương-
u, 600 dặm. » Bề tôi nghe nói đến có lời chúc
mừng. Trần-Trần 陳軫 (5) tới sau không
chúc mừng. Sở vương nói: « Kể bất-cốc này
không phải phiền, đến một tên quân, không
phải tốn mất một người mà được đất Thương-
u 600 dặm, quả nhân tự nhận thế là may, các
quan sĩ, đại-phu đều chúc mừng, một mình
nhà người cứ im là lẽ lắm sao? » Trần-Trần
thưa rằng: « Tôi sợ đất Thương-u chẳng
được mà lại sinh ra họa nạn, cho nên không
dám chúc mừng can. » Sở vương hỏi: « Sao
vậy? » Trần-Trần thưa rằng: Sở đi nước Tần
trọng nhà vua là vì có nước Tề. Nay chưa
thấy được đất mà đã tuyệt giao với nước Tề
thế là nước Sở có lập. Nước Tần có đầu lại
trọng nước có lập. Nếu Tần phải giao đất
trước rồi nhà vua mới tuyệt giao với Tề thì
tất Tần không chịu. Tuyệt giao với nước Tề
rồi mới đòi đất thì thế nào cũng phải lừa
Trương-Nghị. Phải lừa Trương-Nghị thì nhà
vua tất giết. Thế là bên tây có cái lo về Tần,
bên bắc tuyệt giao với Tề, binh hai nước tất
cùng đến. »

Sở-vương không nghe, nói rằng: « Việc ta
làm rất lợi, cảm mạo không được nói nữa,
rồi người xem. »

Sở vương sai sứ đi tuyệt giao với Tề. Sứ
già chưa về, lại sai luôn sứ khác đi.

Trương-Nghị trở về nước, Tần sai sứ sang
Tề. Tề với Tần ngầm kết giao với nhau. Sở
sai một vị tướng đem quân đi nhận đất của
Tần. Trương-Nghị tới, nhưng thắc có bệnh
không ra mặt. Sở vương nói: « Trương-từ
cho quả nhân chưa tuyệt giao với Tề hay sao? »
bên sai một tên đồng sĩ đi sứ trước Tề vương.
Trương-Nghị biết Sở đã tuyệt giao với Tề rồi,
bên ta tiếp sứ-già, nói rằng: « Từ chỗ ấy đến
chỗ ấy, ngang dọc sáu dặm. » Sứ già nói:
« Tôi nghe nói 600 dặm kia mà, chứ có phải
6 dặm đâu. » — Trương-Nghị nói: « Nghi này
là kẻ nhỏ mọn, làm gì có 600 dặm. » Sứ-già về
báo với Sở vương. Sở vương giận lắm, muốn

Muốn chớ nói nói giỏi và dùng
tiếng Nhật, nên dùng quyển
**MANUEL PRATIQUE
DE CONVERSATION
FRANÇAIS - JAPONAIS**
của TRƯƠNG ANH TỰ và SHIRO YORITA
Tựa của ông T. MASUDA chánh hội-trưởng
Hội những người Nhật và ông SHIMAMOTO
ở Phân-bộ quân-sự, Nhật.
Giá 1\$50. Cước thêm 0\$22
Thư và mandat gửi cho:
Imprimerie BAC-HA
55 - Rue de la Citadelle - Hanoi

dây binh đánh Tần. Trần-Trần nói : « Tôi đã được phép nói chưa ? » Sở-vương cho nói. Trần thưa rằng : « Đánh Tần không phải là kế hay. Chẳng bằng đất cho Tần một thành đồ, rồi sang với Tần đánh Tề. Thế là thiệt với Tần nhưng lấy của Tề bù lại, như thế nước Sở toàn vẹn được. Nay nhà vua đã tuyệt giao với Tề, mà lại trách phạt nước Tần thì làm cho Tề, Tần hợp với nhau mất, nước ta tất bại to. »

Sở-vương không nghe, dây binh đánh Tần. Tần kết liên với Tề, nước Hàn cũng theo vào. Quân Sở cả thua ở đất Đổ-lăng. (7)

Đất đai, sĩ dân nước Sở không phải là nhỏ là yếu, thế mà đến rồi thua là chỉ vì không theo kế Trần-Trần và quả nghe lời Trương Nghi

BẢNG-HỒ lược dịch

(1) Khúc-ốc 曲沃 Kinh đô nước Tấn xưa, bây giờ thuộc tỉnh Sơn-tây. Lúc bấy giờ là đất của nước Tấn, nước Tề giúp nước Sở đánh nước Tần lấy đất ấy.

(2) Sở-vương đây là Hoài-vương 懷王 tên là Hồ Hô

(3) Tề-vương đây là Mân-vương 閔王

(4) Thương-ư 商於 đất nước Tần, thái ấp của Trương-Nghi, nay thuộc tỉnh Hồ-nam.

(5) Bất-Cốc — Cốc là thiện, bất cốc là chẳng hay tiếng xưng khiêm của vua chư-hầu.

(6) Trần-Trần tên một nhà du thuyết ở đất Hạ trước cùng thời Tần-Huệ-vương với Trương Nghi, vì không đặc dụng cho nên bỏ Tần sang Sở sau lại sang Tề.

(7) Đổ-lăng 郢陵 đất nước Sở, nay thuộc tỉnh Thiểm-tây.

BÀ CỐ BẢN

Khởi lư

Phong-châu

Truyện dã-sử về đời Hồng-Bàng của THIÊN-HA-SĨ

LOẠI TRUYỆN GIẢI-TRÍ

HÀN - THUYỀN

74, phố Tân-Tân, Hanoi

Tiếng Anh cho người Việt-nam

của NGUYỄN - KHẮC - KHAM cử nhân văn chương và luật khoa — tốt nghiệp Anh-văn tại đại học đường Paris

CUỐN THỨ NHẤT — Đọc Anh và bài thực hành giấy bạc 100 trang giá 0\$30. Cuộc gửi recommende 0\$20 CUỐN THỨ HAI — (Anh, Pháp, Việt-hội-thoại) giấy 100 trang, giá 0\$40. Cuộc gửi recommende 0\$16. Mua cả hai cuốn: cuộc gửi mỗi 0\$40. Thư và mandat xin dùm

M. NGUYỄN-KHẮC-KHAM

36, Boulevard Henri d'Orléans Hanoi Tél. 266
Boite postale 24

NÊN HÚT THUỐC LẠ BASTOS

NGON THƠM

MỖI GÓI 0\$10

KHI MỆT NHỎC VÌ NGỒI LÁU BỊ A, THỨC ĐÊM, KẼM ĂN MẤT HUYẾT

CỬU-LONG-HOÀN Vó - đĩnh - Dân

Tổng phát hành toàn xứ Bắc-kỳ Ai Lao và miền bắc Trung-kỳ

Établissements VẠN - HÓA

Có bán thuốc VẠN - BẢO chữa bệnh liệt-dương. Thứ cho đàn ông và đàn bà khác nhau

Lịch-sử báo-chi hoàn-cầu

VĂN-HÒE

(Tiếp theo)

X. — Những sách in có tính-cách báo-chi

Theo các sách vở cổ của Tàu, thì ngày từ cuối thế kỷ thứ 6 sau Tây lịch kỷ-nguyên, người Trung-hoa đã biết khắc ván in và bắt đầu thấp nhất thế kỷ, họ đã biết đúc chữ đồng để in như lối chữ in của người Âu ngày nay.

Theo nhà du lịch người Ý Marco Polo viết trong tập du ký năm 1298, thì hồ thấp tam thế kỷ, các vua Tàu đã biết in giấy bạc lưu-hành trong nước. (Trên giấy bạc có 44 chữ ký và rất nhiều dấu niện của nhiều người làm ra.)

Nghĩa là nghệ ấn-loát cũng như nghệ khắc phát-nguyên từ Trung-hoa.

Song người Âu phần nhiều không nhận rằng nghệ ấn-loát Trung-hoa đã ảnh-hưởng đến việc phát minh nghệ ấn-loát ở châu Âu. Điều đó không ai có thể quyết đoán được.

Chỉ biết rằng mãi đến khoảng năm 1430 gì đó, Gutenberg (người Đức sinh khoảng năm 1393-1397) bị trục xuất khỏi tổ-quốc là nước Đức sang làm nghiệp ở Mavence đã sáng nghĩ ra cách đúc chữ in. Sau khi dùng máy in, in được tập Thánh-kinh 36 dòng và nhiều sách vở khác về tôn giáo. Gutenberg mất năm 1467 hay năm 1468, an táng tại nhà tu Franciscains cạnh xưởng in của ông, trên mộ có đặt tấm mộ-chi tôn là tổ sư nghệ ấn-loát.

Nghề ấn-loát một ngày một cải cách mặt hiện-bộ, một tinh thần hơn lên, cho tới cái trạng-thái vạn năng ngày nay, đều là do cái trí sáng-kiến của Gutenberg mà ra cả.

Sở dĩ ta nói sơ qua về nghệ ấn-loát là vì nghề này ảnh-hưởng tới nghề báo rất nhiều. Lịch-sử nghề này nhiều khi lẫn với lịch-sử nghề in như ta đã nói ở trên.

Nhờ nghệ ấn-loát mà báo-chi cũng như sách vở mới ngày một nảy nở ra phồn-thịnh và dễ-dàng.

Xuất hiện mới ít lâu, cái máy in đã giúp việc nhiều cho nhà làm báo.

Ngay từ giữa thập ngũ thế kỷ trở đi, là khi nghệ ấn loát mới phát hiện, các nhà ấn-loát đã biết dùng hàn in chữ in « đánh » vào tinh hiệu-ký của công-chúng để làm báo. . theo một cách riêng.

Khi có một việc trọng-dại xảy ra trong nước hay trong thiên-hạ, đại-loại như việc Christophe Colomb tìm thấy châu Mỹ, các trận chiến tranh về tôn-giáo, các trận giao chiến với quân Thổ-nhĩ-kỳ v... Các nhà ấn-loát liền vội vàng soạn một bài tường-thuyết về việc đó cho rõ ràng, rồi in ra số binh-sĩ, số súng ống trong đội quân Thổ, số người trong đoàn thám-hiêm châu Mỹ... v.v. hễ để thêm bớt cốt gọi tinh hiệu-ký của công-chúng, rồi đem in và bán trong các phố, các chợ và các hàng sách. Những bản tường thuật thời sự đó thường lấy tiêu đề theo thời sự, có giống những số báo đặc biệt ngày nay, khác một điều là báo ngày nay ra đúng kỳ hạn và chung một tiêu-đề. Các tờ báo đó - biệt thời xưa nói trên đây thì xuất bản không nhất định, không có kỳ hạn nào và tiêu-đề thường thay đổi theo thời sự xảy ra...

Những người bán những tờ báo đó, nhất là tại các chợ được công-chúng xúm xít lại mua; có khi họ chẳng dây treo các tờ ấy lên và thường gọi là những tờ báo rơi.

Công-chúng ở đâu và thời nào cũng vậy, cũng ham biết những điều kỳ lạ, những điều mình không biết, nên ở đâu người ta cũng in những ở báo tình có đó đem bán, mỗi khi có việc gì khá đi làm sôi nổi dư-luận xảy ra. Bất cứ ở đâu, chỗ nào có xưởng in là đều có phát hành những tờ báo báo thần đó, nhất là tại Đức, tại Pháp, rồi tại Anh, tại Tây-ban-nha, tại Ha-lan và tại Ý-dại-lợi.

Số báo in tùy việc mà nhiều mà ra nhiều hay ít, song theo một bản kết toán nhà in tìm thấy tại tàng-thư-viện tòa báo Lyonnais và l'Aube, thì trung bình mỗi tờ báo bắt thần đó in ra từ 2.000 đến 2.500 số.

Những tờ báo kiểu đó in ra trong thế-kỷ thứ 15 và 16 rất nhiều, nếu công chung số báo in tại khắp các nước châu Âu thì tới số ngàn, số vạn, không sao kể ra cho xiết.

Tuy nhiên những tờ báo kiểu đó cũng chưa thể gọi là tờ báo theo nghĩa chúng ta hiểu ngày nay. Nó chỉ có tính cách báo chí mà thôi.

Tờ báo, ngày nay ta hiểu là những tập đăng tin-tức ra đúng kỳ hạn, mang một tiêu-đề chung có đánh số liên-tiếp và có đề n en-
hiệu.

Những tờ báo tinh-cờ kể trên không có đủ những điều-kiện đó và thiếu điều cốt yếu này: là đăng đủ thứ tin-tức.

Hầu hết các tờ báo bất thần trên đây chỉ đăng-tái bài tường-thuyết về một việc xảy ra mà thôi. Về vấn đề

tờ ra luôn mấy chục số liên-tiếp mang chung một tiêu-đề và đánh số liên-tiếp, — phần nhiều là phát hành nhân một cuộc chiến-tranh — thì tất cả những tờ báo đó cũng chỉ nói chung về một việc mà thôi.

Có một thứ sách in có thể gọi được là tờ báo xuất bản hàng năm, là sách «Niên-lịch thông-thư». Niên-lịch thông-thư có chung một tiêu-đề, lấy tuế-thứ thay cho số báo, ra đúng kỳ hạn mỗi năm một kỳ, trong chép những việc xảy ra trong năm vừa qua và những điều khác, tình-cách hoàn-toàn là tình-cách báo-chí.

Nếu một bài báo có thể làm chấn-động dư luận quốc-dân, thì một vài mục trong Niên-lịch Thông-thư cũng vậy.

Như năm 1558, Niên-lịch Thông-thư của Michel de Nostre-Dame (Nostradamus) làm sôi nổi dư luận thời-nhân trong mấy năm trời róng-rạt, làm tổn-phí bao nhiêu giấy mực và nước bọ của người bấy giờ, về những lời tiên-tri nửa kín nửa hở, ai cũng muốn tò mò xét nghiệm xem sao.

Cùng với những sách «Niên-lịch Thông-thư» (almanach) người ta phải kể luôn những tập «Thông-thư nhật-ký» (mercure).

Thông-thư nhật-ký là những tập sử-ký biên chép những việc lớn xảy ra trong năm qua, từng ngày một.

Như vậy, cũng như những cuốn «Niên-lịch Thông-thư», những «Thông-thư nhật-ký» cũng có tính cách báo-chí và có thể gọi là những tờ báo ra mỗi năm một kỳ.

Thông-thư nhật-ký ra đời hầu như cùng một lúc tại khắp mọi nơi, vào khoảng cuối thế kỷ 16, nhưng bình như «Thông-thư nhật-ký» xuất-hiện trước tiên tại xứ Cologne.

XI. — Các cách thông tin

Thế nào là nghề làm báo?

— Nghề làm báo là nghề lượm tin và truyền ra.

Tin-tức trước đây, người ta truyền ra bằng cách nào, trên kia chúng ta đã nói. Còn cách-thức lượm tin.

Nếu ta không nói sơ qua về các cách thông-tin thời cổ, thì ta bỏ sót một điều cốt yếu của nghề làm báo.

Thời cổ, những tin cần biết nhất là các cuộc chiến-tranh. Còn cách thông-tin

dùng trước nhất và giản-dị nhất là sai người đi báo hoặc đi ngựa đem tin miệng hoặc tin viết trao cho nhau. Cách thông-tin này thông dụng tại khắp các dân-tộc cổ phương Tây và phương Đông, từ Hy-Lạp, La-Mã tới Ấn-độ, Trung-Hoa.

Sau muốn cho mau hơn và thông tin được xa hơn, người ta nghĩ cách nuôi chim nhạn và chim bồ câu để đưa thư-tin cho bà con quen biết ở xa, hoặc từ nước này sang nước nọ, tức như chuyện Lý-Lăng và Tô-Vũ nhờ nhạn trao đổi tin-tức cho nhau từ nước Tần sang đất Hung-Nô.

Tới thế-kỷ thứ bảy thứ tám trước Tây-Lịch

kỷ-nguyên người phương Tây và người phương Đông nghĩ ra cách đốt lửa để thông-tin cho quân-đội, trong các cuộc chiến-tranh. Người Ba-Tur, người Hy-Lạp, người La-Mã, người Trung-Hoa đều dùng lối thông-tin đó.

Về lối thông-tin này, sử Tàu có chép rằng vua K ệ (881-790 trước Tây-Lịch) ra lệnh mỗi khi có biến-cổ thì đốt lửa trên thành và đánh trống làm hiệu. Thấy hiệu báo thì quân-dân phải tức-tức đến cự địch và phòng-thủ kinh-thành. Chẳng ngờ nhà vua say-mê Bao-Tư, để năng nhiều lúc vô cơ đốt lửa đánh trống báo hiệu đánh lừa quân-dân, khi có đại biến, hiệu-lệnh nhà vua chẳng được ai tin, và nhà vua bị quân địch bắt giết.

Sau khi xây xong Vạn-Lý Trường-Thành và thế kỷ thứ II trước Tây lịch nhà Tần cũng vẫn dùng cách đốt lửa và đốt pháo-sai-lang tung khói lên không để báo hiệu khi có biến-động.

Lâu dần, người ta nghĩ tới chức việc bưu-chính trước hết để chuyên đạt công-văn đi các nơi. Tại Pháp, bưu-chính bắt đầu tổ-chức từ thế-kỷ 17, nhưng ông tổ bưu-chính ta phải nhận là Hoàng-đế Auguste nước cổ La-Mã, người đầu tiên tổ-chức bưu dịch để đem thư-tin cho nhà vua và của dân-chúng đi các nơi.

Tuy bưu-chính, tổ-chức sớm như vậy, song đường giao-thông xưa chưa được mở-mang, cách vận-tải còn thô-lỗ, nên từ nơi này đến nơi khác, phải mất nhiều thì giờ lắm. mới nhận được một bức thư và cước gửi phải trả đắt gấp mười gấp trăm ngày nay.

Cho nên, tại các đồn quân đóng tại các khu chiến-địa, và trên các chiến-thuyền đậu trên các sông các biển, người ta đã nghĩ ra nhiều cách thông-tin giản-dị và mau chóng hơn, hoặc bằng cách kéo cờ, hoặc bằng cách phất cờ, hoặc bằng cách thổi kèn, bắn súng hoặc bằng các dấu hiệu vẩy tay... một vài lối thông-tin «Vô-tuyến-diện» đó ngày nay vẫn còn dùng trong lục-quân và thủy-quân, song phạm-vi sử dụng rất hẹp.

Tới khi phát minh ra điện-khi, người ta mới cải-tổ bưu-chánh thành một cơ-quan thông-tin bằng thư-tin, bằng điện-tin, bằng điện-thoại, rồi bằng vô-tuyến-diện vắn vắn như ngày nay.

Việc thông-tin càng mở mang phát-đạt bao nhiêu, thì các tin-tức đăng báo càng mau chóng, mới-mẻ và đầy đủ bấy nhiêu. Nên có thể nói rằng lịch-sử tiến hóa của bưu-chính lẫn với lịch-sử tiến-hóa của báo-chí vậy.

(Ký sau đây viết)
VĂN HÒE

Tâm - Nguyên Từ - Điền

của LÊ - VĂN - HÒE
Tựa của Nguyễn-văn-Ngọc và Trần-trọng-Kim
Giá: 2p80

«Ce n'est pas été de faire de son dictionnaire un trop grand éloge que de l'appeler «un bon instrument de travail... A ceux qui n'avaient les progrès réalisés dans la lexicographie annamite depuis le jour où Paul's Cua publiait son dictionnaire Đại-Nam Quốc-Anh từ-vị (Saigon 1895-1896, 2 vol.) on pouvait opposer hardiment le nouvel ouvrage de M. Lê-văn-Hoé...»

Ông-Hoé NGUYỄN-VĂN-TỐ
(Annam Nouveau n° 1075 du 2-3-42)

Thư từ ngân phiếu từ M. LÊ-VĂN HÒE giám đốc
QUỐC - HỌC THƯ - XÁ
16 bis, Tien - Tsai - Hanol

ĐÃ CÓ BÁN :

- 1.) **LÀO TỬ** (triết - học đông phương) Op.80 của Ngô-tất Tố và Nguyễn đức Tĩnh
 - 2.) **MUỐN KHOẺ** của Đào - văn Khang Op.50, sách giấy cách lập thể theo có ngót 100 hình vẽ.
 - 3.) **VIỆT NAM VĂN HỌC I** Op.80 (Văn học đời Lý) của Ngô-tất-Tố
 - 4.) **VIỆT-NAM ĐƯỢC HỌC I O.80**
 - 5.) **VIỆT-NAM ĐƯỢC HỌC II O.80** của Phó-đức-Thành
- NHA IN MẠI-LINH XUẤT-BẢN**

CÁC BÀ SANG TRỌNG KIẾN

Phấn Murat

THƠM NHỆ NHẪN DỄ DỜI

Lâu phai, đứng ngang hàng các hệu phấn danh tiếng ngoại quốc Có thứ hương, trắng và da người. Bán khắp nơi. Hộp 1\$20

MUA SỈ DO :

Etablissements VẠN - HỎA
số 8 phố Hàng Ngang, Hanoi



Đông Của day chồng

Hồng-Phong viết theo lời cô giáo Nguyễn-thị-Nh. kể lại
Chuyện thật một thiếu nữ làm vợ kết hôn với anh chồng
nát mà sau cảm hóa khuyến khích chồng làm nên danh phận
(tiếp theo)

Người ta kể chuyện mấy năm trước, có hai chàng bẻm ở đầu Saigon xuống Hậu-giang, tự khoe chức-vị bổ lão, làm le chớm lấy vợ giàu, là hai chị em một nhà phú-hộ ở vùng Đại-ngãi. Đôn-hùng-Tin hay được sự tình đồn đường trường trị cho hai cậu một mẹ nên thân và bắt buộc phải bán xói, chưa kịp thực hành mưa giông kể bịp. Hai chị em nhà nọ hú vía, hú hồn, vì chỉ còn cách xa vài bước nữa thì chú mần nghiêm-nhiên trèo lên cây quế.

Người ta lại kể chuyện một nhà trưng cả ở Biền-hồ, sắp sửa gả làm con gái đẹp như tranh vẽ cho một tên cô gian bạc lặn ở Nam-vang lên, xưng mánh là dòng dõi «nhành vàng lá ngọc» mới ở Ba-lê trở về, còn đi du-lãm các nơi danh-thắng, trước khi ra Huế cung-chức. May sao còn đó đám sáu ngày nữa sẽ làm lễ cưới linh-diệu, thì Đôn-hùng-Tin báo tin cho biết. Bấy giờ nhà trưng cả mới giật mình, vội vàng điều-tra lời ra sự thật, xé ngay tờ giấy tin-chỉ định sang tên bài họ nhà lâu cho chú rể làm môn quà cưới. Rồi đáng lẽ mấy hôm nữa đưa chàng vào động-phòng ho-chức, hôm nay ông ta đưa chàng đến năm phòng giam của sở cảnh-sát.

Đến đây, lý chừng các ngài đã thừa đoán vì sao Đôn-hùng-Tin bắt cóc anh chàng giai-tế của ông Châu-Hồng ở bên đó Mỹ-thuận đem đi đầu mất.

Thì chỉ vì chàng chính là một tên bẻm trường tại «bip vợ».

Chàng, tên thật trong giấy thân - thuế đông ở Nam-vang là Lâm-kiều Mộc, lại có một tên ngoài là Lâm-Điền. Không ai biết rõ chàng là con cái của cha cũng chú kiết nào, chỉ biết đại-khai sinh đẻ tại Nam - vang, vốn giòng Minh - hương, nghĩa là con cháu người khách ở đây trải lâu đời, đã hóa thành người Annam, đông thể như dân bản-xứ.

Mồ côi cha mẹ rất sớm, chàng được một người chú họ thương tình, đem về chân nuôi và cho đi học từ nhỏ, mặc dầu người chú làm việc lương ít mà lại đồng con.

Năm 15 tuổi đỗ sơ-học rồi vào lớp thành-chung học được hết năm thứ nhất, qua năm thứ nhì chưa được mấy tháng, thì chàng đưa đòi lui hạn vô-lại, tự-nhên bỏ học đâm đi chơi hoang. Đồi ba lần người chú đem về dỗ dành khuyên bảo, chung quy như nước

đổ dầu vệt.

Thế rồi trốn biệt nhà chú ra đi, tụ tập với lũ đồng bối mất dạy, tới ngày thả rông ngoài phố, ghẹo gái, ăn quýt, thói thì tuôn ra đủ mánh khôn cơ bạc gian lận, lừa đảo thiên-hạ, chẳng tha một việc phóng túng càn rỡ nào không làm.

Không mấy chốc chàng trở nên một thằng điếm đàng vô là đủ trăm phần trăm, và sống nhờ cái óc đặng đầy bèn thuat, cũng như hạng người mà xứ Bắc ta gọi là quan-viên «càn long» vậy.

Lần lần chàng xuống Saigon kiếm ăn, khi thì vào làm việc lãnh-nhàng trong một hãng

tur, khi thì ở ngoài xoay quanh mấy sòng cơ-bạc. Lúc này mới 23 tuổi đầu, mà từng có hai ba phen lên voi xuống chó. Những lúc nhờ tổ phù-hộ gặp thời, cũng có nhà cửa đồ đạc trang hoàng, bộ cánh luôn sang trọng, bên cạnh thường cặp-kề một hai «con gà mái» biết mặc y phục và biết nói cười. Trời lại cho chàng có cái tướng mạo khôi-ngô, chừng chạc, có vẻ là một công-tử hay một trưởng-giả ở trước con mắt những người nào không biết rõ tung tích phẩm hạnh.

Có lẽ chính cái tốt -mề bề ngoài ấy - hẳn chẳng tu biết và lấy làm tự phụ - làm nảy ra trong óc chàng cái tư tưởng đi Lục-tỉnh tìm kiếm vợ giàu.



Lên mặt là một nhà đ du-lãm, bốn tháng trước đây, chàng lần la xuống hạt Châu-đốc, ở quận Tân - châu mấy tuần xem chừng không cần được mỗi-gi, thuận đường đi sang Hồng-ngư.

Thoạt tiên, tìm cách làm quen với mấy nhà có bề thế nhiều ít ở ngoài phố, sau vào trong mấy lãnh phụ-cận, đến nhà ông Châu-hồng.

Chú khách ngay buổi nhất kiến đã có ý tương thân tương ái. Chủ, vì lẽ thấy khách dĩnh-ngô bảnh bao, nói năng hoạt bát, có dáng vẻ không phải một kẻ lăm lăm. Còn khách vì lẽ đã dòm thấy chủ có cơ-đo phong-phú, nhất là có một cô tiền-thư xuân

xanh ngoài hai chục còn đang cao giá trong chốn thâm-khuê.

Vấn lại trước khi tương kiến, nhà đại-diễn-chủ đã được nghe đôi ba người đến quảng cáo trước cho ông biết Lâm-kiều-Mộc là một nhân vật to tát thế nào rồi. Cố-nhiên mấy người ấy, hoặc là từng-đang cốt đi tung bốc rêu rao trước, như kiểu mồi dứa chạy hiệu ở rạp tuồng, đứng cửa buồng trò phất cờ é a, rồi có ông tướng râu dài mặt đỏ, nhảy nhót ra sau; hoặc là người cũng bị tin làm mồi hợm rồi vô-linh gặp ai khoe nẩy, chỉ cần lấy chút khoái-lạc tỏ mình được biết ông kia.

Bởi vậy, khi Lâm-kiều-Mộc đến chơi, ông Châu-hồng lấy làm vinh-dự, tiếp đãi một cách trọng vọng niềm nở đối với khách sang. Huống chi, theo người ta nói, khách là một ông bác-vật (ingénieur, đang ngoài quen gọi kỹ-sư), y chẳng cùng một hạng văn-bằng danh-vọng như ông bác-vật Lưu-văn-Lang mà khắp Lục-tỉnh đã từng phục tãi đầy tiếng.

— Nghe nói ông bác-vật mới ở bên tây về? ông Châu-hồng hỏi.

— Dạ phải, tôi mới về năm tháng nay, Lâm-kiều-Mộc đáp.

— Chắc ông bác-vật còn trẻ tuổi lắm.

— Thưa cụ, năm nay tôi mới 24 tuổi.

— Ông đã nhất định làm công việc gì chưa; thế nào chẳng có một địa-vị trọng

yếu của nhà-nhưng đang chờ đợi?

— Thưa cụ, tôi có ý muốn kinh-doanh kỹ nghệ hơn là vào làm công sở. Chẳng nói cụ ông rõ kỹ nghệ xứ ta còn thiếu khuyến khích, cũng, đang cần phải mở mang nhiều. Tôi có bằng-cấp bác-vật, chuyên-khoa về hóa-học, nên có lập chỉ mồi mang cho xứ sở về mặt y, đại-khai như lập ra công-xưởng chế tạo dầu thơm chẳng hạn. Nhưng một cuộc làm ăn to như thế, cần có tư-bản to lớn, mà nghĩ mình tài tuy có dư, của thì kém hẳn. Hiện giờ tôi đi Lục-tỉnh, cốt lưu tâm nghiên-cứ xem có những nguyên-liệu gì có thể hích-lực cho thứ kỹ-nghệ mình định kinh-doanh chăng.

— Sao không đem ba bác-vật cùng đi du-lịch cho vui?

— Thưa cụ, từ nhỏ tới lớn, tôi mãi lo việc học, đã có ngày giờ làm chỉ nào nghĩ đến sự tạo lập gia-thất đâu.

— Với tài học và địa-vị ông, lo gì rồi đây chẳng có vợ rất xứng đáng.

Ông Châu-hồng nói câu ấy chẳng qua thù-phụng theo cách xã-giao thế thôi, vốn không có tư-ý gì cả.

Từ đấy, mỗi ngày Lâm-kieu-Mộc tìm cơ đến đàm đạo với ông Châu-hồng một lần. Chẳng có làm ra vẻ người đứng đắn cao thượng và nhất nhất giữ theo lễ nghĩa khuôn phép xưa, vì đoán biết ông chủ nhà ưa thích như thế.

Rồi ông dọn riêng một phòng tử tế, mời chàng ở ngay trong nhà, đãi đằng như thượng-khách.

Hai ông bà đã già, có cậu con trai đầu lòng đi học đỗ bằng thành-chương, bỗng lần ra chết, giờ chỉ vốn vẹn có một cô con gái, tức là Minh-Cầm, năm nay 20 tuổi. Nàng có học qua Nữ-học-đường ở Saigon ít năm, sau vì yếu sức, ông bà bắt về ở nhà, không cho học nữa. Con gái nhà giàu — lại là con một — cảnh sung sướng dành sẵn, cần gì phải học nhiều. Tuy vậy, nàng chịu khó xem sách và tự học lấy, thành ra về phần tri-thức không đến nỗi như những người hồ học khác. Đã vậy, tính nàng lại tốt, tỏ ra người có giáo-dục, không có kiểu-thái gì về nhan-sắc mình đẹp, gia-thế mình giàu.

Nàng vì nàng là con một, nên chỉ được cha mẹ chiều chuộng, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Việc hôn-nhân của nàng là việc hai ông bà Châu-hồng để tâm lo ngại kén chọn từ mấy năm nay. Nàng là con gái hiền-thuận, dễ mặc ý cha mẹ liệu định. Đã có một vài đám ở quanh vùng danh tiếng, nhưng ông Châu-hồng từ khước, chỉ vì lễ người con trai không được danh-giá theo ý ông muốn.

Ông vẫn thầm ước người chồng Minh-Cầm tất phải có địa-vị xã-hội cao sang, nếu có thể gửi về càng tốt, vì ông bà không thích để cho Minh-Cầm phải chịu cảnh đi về làm dâu con nhà người ta, đối với mẹ gia em chồng, nhiều nỗi khổ sở.

Sự tình cờ đưa Lâm-kieu-Mộc đến nhà, ông xem xét là người đầy đủ điều kiện.

Một hôm, không dẫu nói ước gì cả, ông nghĩ muốn gả Minh-Cầm cho chàng, với định ninh hứa giúp chàng trong việc mở trường kỹ-nghệ.

Cổ-nhiên chàng hơn hờ đón ngay, như được phụng chiếu thiên-tử. Chính Minh-Cầm cũng ưng ý mười phần, vì theo nàng vật-sắc, chàng có thể là một chàng ý-lang-quân.

Có lẽ số tử-vi của chàng đến lúc hồng-loan chiếu mệnh, cho nên lập lần lấy vợ nhà giàu đã được như nguyện. Còn số ông Châu-hồng thì vận-hạn bị những sao liêm-trinh thất-sát phá rồi sao đó, thành ra tự nhiên chiếu của giai-tế là một thẳng điểm dẫu mà không tự biết.

Một tháng sau.

Đám cưới linh-dinh cử-hành ngay ở nhà gái. Ngoài ra mấy bạn đồng-lĩa, Lâm-kieu-Mộc rước một hai ông già bà lão bổ-vệ ở đầu đêm không biết, chàng nhận là họ hàng chú bác, để chứng kiến hôn-lễ.

Rồi chàng ở luôn tại nhà vợ.

Thế là Minh-Cầm, dóa hoa thiên-hương đã hoàn-toàn phai màu rêu nhũ về tay một kẻ phàm-phu, chỉ có cái bề ngoài đánh lừa thiên-bạ.

Việc này lúc đến tại Đôn-hùng-Tín thì đã quá trễ mất rồi. Va lấy làm tức tối ăn-bận, sao mình không kịp can trở hộ người ta như mấy đám giồng thế ngày trước, để cho một nhà lương-thiện bị bip, một người con gái ngọc ngà đứng đầu như Minh-Cầm thế kia mà phải bị lừa.

(còn nữa)

HỒNG-PHONG

TÁC PHẨM

độc nhất vô nhị của nhà văn Nguyễn-phương-Châu tác-gia cuốn TRẮC TRỞ (đã hết). Một câu truyện ly-kỳ mới lạ diễn tả bằng một lối văn rất đẹp để. Gán 200 trang. Giá 0p80.

MỜI RA:

NỘI AN HẠN DÀI của Thâm-Tâm N.T.T. . . . 0p80
XẤU SÓ của Nguyễn-quê-Bảo 1, 00
RỪNG NÚI VỀ CHIỀU của H.B. Nguyễn-An . . . 0, 60
Thư maudet do A-CHAU xuất bản cục 17 Émile Nohy Hanoi.

MỘT Ý NGHĨ VỀ VIỆC TUYÊN TRUYỀN BẰNG THI CA

Tại sao Yên-dồ lại là một ông Bạch-cư-Dị Việt-Nam

Dù chỉ là những văn-phẩm để cho người ta ngắm nhìn trong những lúc cần vui hay giải buồn, thơ ca đối với việc đời, đôi khi cũng có một công hiệu lớn — miễn là phải ở trong tay những người biết đem dùng. Những công hiệu ấy, đều thấy ghi rõ trên lịch-sử các nước đông, tây. Xưa kia cuộc Hán-Sở giao tranh, trong trận quyết sống mái cuối cùng, Hán-vương dù có thừa tướng mạnh binh hùng, nhưng nếu không nhờ được bài *Sổ-ca* của Trương Lương hát lên giữa lúc gió lạnh đêm khuya làm cho mấy vạn quân Sở sau khi nghe lọt, tấm lòng băng bái đều ngất ngưởng rồi cùng nhau bỏ trốn, thì Hán-vương cũng còn phải khổn-dồn chật vật chiến với Hạng-vương, một tay cái thế anh hùng. Mà chưa chắc Hán-vương đã lập xong đế-nga-hiệp. Lại như ở nước Ý trước đây chừng sáu bảy năm, vì thấy tư-lưỡng *«đô»* đã ngấm ngấm truyền bá trong giới lao-công, nên dùng thủ-đoan võ đoán để bài-trừ cớ xảy ra sự biến loạn, thủ-tướng Mussolini muốn dùng cách êm đềm làm cho tư-tướng ấy phải vô binh tiêu diệt, liền nhờ ông Đàng-nam-Già (Gabriele D'Annunzio) một quân-nhân và là một thi-gia trữ danh, soạn nhiều bài thơ ca ngắn để cho thợ thuyền các xưởng trong nước học, thuộc hàng ngày hát đọc trong những giờ làm, nói là để cho mua vui quên học, nhưng chính là làm cho trí óc thợ thuyền cảm nhận những tư-tướng ghét *«đô»* mà tránh xa.

Thơ ca có những công-hiệu lớn lao về rõ ràng như thế, nhất là đối với toàn-thể dân-chúng, dẫu thơ ca để truyền-bá, lại càng có công-hiệu lắm. Vì vậy xưa kia các nhà chính-trị, mới khi có huấn-lệnh hay giáo-diệu gì đem tuyên bố, thường đặt thành ra thơ ca, để cho dân chúng dễ đọc và dễ theo.

Tuy nhiên, những thơ ca đối với dân chúng, muốn cho dễ cảm, tác-giả nếu không có

cái óc *«bình-dân hóa»* cũng cần phải chú ý đến một điều: nhận rõ cảnh sinh-hoạt hay tinh-tinh của bình-dân rồi nói hay tả bằng một giọng bình-dị, như thể khi người ta xem đồ mới có hứng-thú, đã có hứng tức là có cảm vậy.

Thơ, ca ở nước ta xưa kia đối với dân-chúng không được thịnh-hành, nhiều người cho là vì dùng Hán-văn, trừ phi người học thông mới xem được. Đó cũng là một cớ. Chính ra người mình cũng đôi khi dùng quốc-văn để làm thơ ca, nhưng hầu hết văn nhân đều có cái bệnh thích dùng điển cũ mà lại chỉ là điển Tàu, các nhà văn khi viết quốc-văn, một phần vì tiếng dùng còn nghèo, mượn ngay chữ Tàu cho chóng, một phần vì dùng điển Tàu mượn luôn cả chữ Tàu, nên thường thường chỉ một câu thơ hay một câu ca ngắn ngủi mà quá nửa hay gần hết là chữ Tàu, người ít học không thích xem, vì họ chẳng hiểu được nghĩa lý ra thế nào.

Thường thấy nhiều người phàn nàn chuyện *«Hoa-Tiên»* giá-trị văn-chương còn hơn chuyện *«Kim-Vân-Kiều»* mà chuyện Kiều phổ thông ở dân gian, còn *«Hoa-Tiên»* trừ các nhà yêu văn, còn thì không mấy người hâm mộ.

Thực thế, đó là vì chuyện Kiều ít dùng tiếng chữ Hán, điển Tàu, dù có mượn, tác-giả đã chịu khó dịch ra tiếng mình cả, người đọc dễ xem mà dễ hiểu. Còn *«Hoa-Tiên»* dù hay thực, các tiếng các điển chữ Hán tác-giả đã mượn nhiều mà lại cứ để nguyên, người ít học chỉ đọc chẳng hiểu là gì thì còn thấy hay đâu mà ham thích nữa.

Chẳng những ở ta đây, đến cả ở nước Tàu, ít lâu nay, muốn cho văn-chương có tính cách phổ-thông người ta cũng chán ghét cái lối văn dùng điển, cho là phù-phức không thiết-thực với hiện-trạng. Còn về thơ ca, họ xô nhau về lối thơ bình-dân, cho những thơ

HAI TÂM LÒNG SẦU

ca cổ dù có hay thật, nhưng chỉ là những vần chương của các thi-giã xưa kia chuyên tán-dương cách sinh-hoạt cao quý của những người về giai cấp riêng, nào phong hoa tuyết nguyệt, nào điện võ lâu đài, còn cảnh sinh-hoạt của bình-dân không ai để ý. Vì vậy đối với thi-sĩ Bạch-cu-Dị họ đều tôn sùng, gọi là ông tổ « Thơ bình-dân » vì những thơ ca của họ Bạch phần nhiều mô-tả những sự sống của các hạng dân thường, đều dùng những chữ những lời giản-dị bình-thường mà tả rõ được từng cảnh từng người rất đúng, chẳng những bấy giờ, ngay ở đời Đường, thơ ca của họ Bạch cũng được dân-chúng hoan-ngheh.

Ở nước Tàn có nhà thơ Bạch-cu-Dị, còn ở nước ta đây thì có ai? Không trả-rủ, tôi xin giới thiệu ngay nhà thơ Yên-Đỗ, tức là cụ Tam-nguyên Nguyễn-Khuyến.

Ba bốn mươi năm về trước, các nhà văn ta cũng ham viết quốc văn, nhưng phần nhiều chỉ làm văn như thơ ca, cụ Yên-Đỗ là một. Nhưng các bài thơ ca mà được nhiều người hoan-ngheh hơn cả, duy có thơ ca của cụ Yên-Đỗ, vì có một đặc sắc là văn cụ ai cũng có thể đọc được và hiểu được. Cụ là nhà Hán học uyên thâm lại ở vào lúc Hán học còn thịnh, mà bài nào cụ cũng thuần dân-dùng tiếng ta, lại đặt theo một giọng giản dị không cầu kỳ, nhất là không mượn điển Tầu, chữ Tầu. Những vần điệu dùng để đến tả trong các bài đều là những cái mắt thường thấy, tai thường nghe ở nơi đồng ruộng, tức là những điều quan hệ trong sự sinh hoạt của dân quê, cụ khéo thu nhặt lại làm thành những câu thơ ca rứt có thú vị. Dưới đây xin lược trích mấy bài :

Thân nọ

Quần chi công nọ có lá bao.
Nay đã nên to đến thế nào.
Lời mẹ lời con sinh đẻ mãi.
Chức ba chức bảy tình nhiều sao.
Ra đường kẻ cả dùng chân hoi.
Vào cửa người sang ngựa mặt chào.
Quýt chi phen này trang trải nọ.
Cho đời rồi mới cái... chẳng tao!

Bài này dù nói cách minh, nhưng cũng bày tỏ được một cái cách vạy nặng nề ở dân quê, vì sự mùa màng mất mát, làm ăn thiếu hụt, bị những kẻ cho vay cắt họng bóp chặt thế nào cũng phải chịu.

Thân lư

Con tạo ghen chi với mặt hồng.
Mà đến nước đến đổ làm bông.
Gó lều của công đào mạn mào.

Trăng tỏ buồng trai sống pháp phòng.
Những sợ anh kinh luân dưới rốn.
Lại lo chú cháu lộn bên hồng.
Quần chi điểm phấn trang hồng nữa.
Cho biết nơi sâu với chốn nông.
Độc bài này ta lại tưởng tượng được cái cảnh deo-nheo khổ-sở của dân quê mấy tỉnh trung châu Bắc-kỳ mỗi khi gặp cảnh nước to đề vỡ.

Cảnh quê

Năm nay cây cấy vẫn chưa thua.
Chiêm thuê dăng chiêm, mùa mất mùa.
Phân thuê quon thu, phân trả nợ.
Nửa công đưa ở nửa thuê bò.
Sớm trưa dĩa muối cho qua bữa.
Chợ búa trâu cau chẳng dám mua.
Tần tiện thế mà sao chưa khà.
Nhờ giới rồi cũng mấy gian kho.

Dân quê chỉ trông vào đồng ruộng mà sống, nếu gặp năm mất mùa, tình cảnh thực deo-neo. Bài này thực như một bức tranh tả chân cái cảnh dân quê mất mùa.

Lên lão

Ông chẳng hay ông tuổi đã già.
Năm nhăm ông cũng lão đây mà.
Anh em làng xóm xin mời cả,
Xôi bánh trâu heo cũng gọi là...
Chủ nhà bên người lên với tớ.
Ở từ xóm chợ lại cùng ta.
Bây giờ đến lúc ăn dưng nhĩ.
Có rượu thì ông chổng gậy ra.
Dân quê có tục lên lão, từ 50 trở lên có sống được 10 năm lại lên một bậc. Đó là tục thượng xỉ, một tục rất tốt, khiến dân em biết trọng những người hơn tuổi. Bài này là tả sự ăn uống vui mừng trong những tiệc lên lão ở dân quê.

Thơ ca của cụ Yên-Đỗ còn nhiều, nếu các bạn đã từng đọc, hẳn đều thấy rõ mấy điều như tôi đã xét nhận trên. Nhiều người đã bình phẩm văn thơ của cụ Yên-Đỗ có vẻ « bình dân hóa » thực là xác luận.

Có người nói thơ ca của thi sĩ Trần-kế-Xương cũng có giọng giản-dị và cũng ít dùng từ điển Tầu, vậy mà ngoài các nhà văn dùng làm ngâm liêu ra, còn dân-chúng ít hoan-ngheh. Điều đó là vì văn thơ của thi-sĩ Vj-xuyê chỉ là loại văn của người bất đắc chí, chán đời ghét đời, gặp sự gì cũng buông ra những lời bi-tiếu, thóa mạ cho chỗ chỗ hẹp hòi của cá-nhân, và kém về hồn hậu nên ít người chuộng vậy.

SỐ-BÁO

CÁC NGÀI HÃY DỪNG

Phấn-trì Đông-dương

(GRAPHITE INDOCHINOIS)
Mô « Hélène chi I », « Hélène chi II », « Hélène chi III »,
PHỐ LÚ - LAOKAY
Đã được công nhận là tốt không kém gì của ngoại quốc công việc cần thận. Gửi nhanh chóng khắp Đông-dương.

Sở giao dịch
E^h TRỊNH - BÌNH - NHỊ
123A. Avenue Paul Doumer
Haiphong - Ad. Tél. AN-NH - Haiphong Tél. 707
Cân đại lý khắp Đông-dương.

XƯA NAY BỊ NHIỀU, vì:
Ăn no với tấm ngũ thường!!!
Cơm no với đã lên giường ngũ ngay!!!
Dục tình đương lúc no xay!
Phòng-tích bệnh ấy, xưa nay bị nhiều!!!
Chỉ uống một liều,
Thấy dễ chịu ngay.
Bao to 12 grs. 0\$55
Bao bé 6 grs. 0,30



Ed. Hebdomadaire du Trung-Bac Tân-Van N.
Imprimé chez Trung-Bac Tân-Van N.
36, St. Henri d'Orléans - Hanoi
Certifié exact par inspection
Tirage de 10.000
L'Administrateur Général: Ng. d. VUONG

Người Việt-Nam hãy đọc:

ải - bắc

của Thao Thao để rõ lịch-sử anh hùng của đất Việt.

Gia. 1\$00

Adr. CAO-BÁ-THAO
TIN MỚI - HANOI

Sách Mới

KẾ SI TÌNH

Tiêu-thuyết của LÊ-VĂN-TRƯỜNG
Những ai chưa hiểu tình là luy, yêu là giết, những ai đương khóc thắm trong bóng tối, những ai đã để hạnh phúc bay qua hay không giữ nổi, đều cần phải đọc KẾ SI TÌNH. Ở đây các bạn sẽ thấy lòng mình phơi rã trên trang giấy.
Giá 0p75

NANG

Tiêu thuyết của LAN - KHAI
Ấy là một cuốn tiểu thuyết mà tác giả đã viết trong bốn năm ròng. Nang là sự mô tả một âm hồn suốt đời noi theo một lý tưởng chẳng thể thực hiện trong trần thế, một lý tưởng quá cao đẹp hầu thành một sự không thể có nữa. Văn viết theo một thể tài rất mới lạ và say sưa lý kỳ.
Giá 0p 80
Hai cuốn đều do Hương - Sơn 97, hàng Bông Hanoi, xuất bản

...hai bài thơ xuân

Thanh-Liên chén nước ngày xuân
Trà ngon mong khắp quốc dân nên dùng
Thanh-Liên hương ngát nước chong
Ngày xuân nhấp giọng cõi lòng lâng lâng
Danh-trà nước tiếng từ dân

Tổ-Lan mỹ tự hồng-irã
Đêm xuân thưởng thức mới là tri âm
Kiến đời p.ân khởi tình thân
Hương thơm quân tử riêng phần Tổ-Lan
Hồng trà đất Việt danh vang!

THANH-LIÊN TỎ-LAN

Việt Nam đệ nhất danh trà

TRÀ THANH-LIÊN và TỎ-LAN, thơm ngon nhất nước.
lối trà hay mỹ-thuật lại vô song ở xứ Đông-dương

Chi điểm phát hành tại
miền Nam Trung-kỳ và Nam-kỳ
Bắc-Si Bối-kien-Tin (Office Commercial et Industriel indochinois) Quinhon
Ch. Maus (Nam-dương Nguyễn-văn-Nhac) 43 Gallia Saigon
Tổng-cục: TƯƠNG-LAI THƯƠNG-HỘI 56 hàng Gai Hanoi